

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3

-----***-----



LILAMA 45.3

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

MUC LUC

I.	THÔNG TIN CHUNG	
1.	Thông tin khái quát.....	2
2.	Quá trình hình thành và phát triển.....	2
3.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	3
4.	Thông tin về mô hình quản trị tổ chức, kinh doanh và bộ máy quản lý.....	5
5.	Định hướng phát triển.....	9
6.	Các rủi ro.....	11
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	12
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	12
2.	Tổ chức và nhân sự.....	14
3.	Tình hình thực hiện các dự án đầu tư.....	19
4.	Tình hình tài chính.....	19
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu.....	21
6.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.....	22
III	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	23
1.	Đánh giá kết quả hoạt động SXKD.....	23
2.	Tình hình tài chính.....	24
3.	Những cải tiến về cơ cấu, tổ chức, chính sách quản lý.....	25
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	26
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	28
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	28
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.....	29
3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	30
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	30
1.	Thành viên Hội đồng quản trị.....	30
2.	Ban kiểm soát.....	36
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.....	39
VI	BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	40
1.	Ý kiến của kiểm toán.....	41
2.	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gồm 29 trang đính kèm	

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

TÊN CÔNG TY : CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4400135344

Vốn điều lệ : 35.000.000.000đồng

Địa chỉ : Lô4K, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Quảng Ngãi.

Số điện thoại : 055.3710 321

Số FAX : 055.3710 313

Website : www.Lilama45-3.com

Mã cổ phiếu : L43

• Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Cổ phần Lilama 45.3 tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.3 (Doanh nghiệp Nhà nước) thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 010A/BXD ngày 27/01/1993 của Bộ xây dựng.
- Theo Quyết định số 04/QĐ-BXD ngày 04/01/2005 của Bộ xây dựng về việc thực hiện sắp xếp đổi mới phát triển các Tổng công ty nhà nước và Doanh nghiệp Nhà nước độc lập thuộc Bộ xây dựng năm 2005 và Công văn số 80/TCT-HĐQT ngày 14/03/2005 của Tổng Công ty Lắp máy Việt nam gửi các công ty thành viên về việc thực hiện cổ phần hoá các Công ty thành viên năm 2005. Công ty lắp máy và Xây dựng 45.3 đã tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần và đã được Bộ xây dựng phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại Quyết định số 1810/QĐ-BXD ngày 21/09/2005 với giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2005 là 4.565.889.766 đồng.
- Ngày 11/11/2005 Bộ xây dựng có Quyết định số 2112/QĐ-BXD về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá Công ty Lắp máy và xây dựng 45-3 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam với số vốn điều lệ 6.815.000.000đồng (Vốn nhà nước chiếm 51%)
- Ngày 24/03/2006 Công ty Cổ phần Lilama 45.3 chính thức được thành lập theo Quyết định số 497/QĐ-BXD của Bộ trưởng BXD với số vốn điều lệ là: 6.815.000.000 đồng; Trong đó vốn nhà nước tại Doanh nghiệp là: 3.476.000.000 đồng (Chiếm 51%) và phần vốn góp của các cổ đông là: 3.339.000.000 đồng (Chiếm 49%). Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 15 tháng 05 năm 2006 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 340300084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.
- Ngày 22/03/2007 Bộ xây dựng có Quyết định số 454/QĐ-BXD về giá trị vốn nhà nước tại thời điểm 0 giờ ngày 01/07/2006 để bàn giao doanh nghiệp nhà nước: Công ty Lắp



máy và xây dựng 45-3 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam sang Công ty cổ phần Lilama 45.3.

- Theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC), đến ngày 01/07/2007 vốn điều lệ của Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã tăng lên 35.000.000.000 đồng (Trong đó vốn nhà nước chiếm 51%) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ nhất do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 29 tháng 05 năm 2007.
- Công ty đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh: lần thứ hai ngày 27 tháng 12 năm 2007, thay đổi giấy phép lần thứ ba vào ngày 20 tháng 03 năm 2008, và thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ tư vào ngày 06 tháng 08 năm 2009 để thay đổi người đại diện pháp luật tại doanh nghiệp.
- Ngày 08/04/2008 Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội có Quyết định số 128/QĐ - TTGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Lilama 45.3. Ngày 11/06/2008 cổ phiếu Công ty Cổ phần Lilama 45.3 (L43) chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Theo nhu cầu sản xuất kinh doanh, Công ty có thành lập một chi nhánh công ty tại Hà Nội, có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu ngày 28/09/2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
- Thực hiện tái cấu trúc sở hữu theo đề án tái cấu trúc doanh nghiệp và nâng cao năng lực quản trị của Công ty giai đoạn 2012-2015 và 2016 đến 2020, đến thời điểm hiện nay, vốn điều lệ của Công ty là: 35.000.000.000 tỷ đồng, trong đó: vốn nhà nước chiếm 40,83% (tương đương 1.429.000 CP), các cổ đông khác chiếm 59,17% (tương đương 2.071.000 CP).

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

+ Ngành nghề kinh doanh:

Xây dựng, lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp (xi măng, thủy điện, nhiệt điện, dầu khí, các công trình công nghiệp khác, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp), đường dây tải điện, trạm biến thế; Thi công xử lý nền móng, trang trí nội thất; Lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình; Sản xuất kinh doanh vật tư, đất đèn, que hàn, ô xy, phụ tùng cấu kiện kim loại cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng; Gia công, chế tạo, lắp đặt, sửa chữa thiết bị nâng và thiết bị chịu áp lực (binh, bể, đường ống chịu áp lực), thiết bị cơ, thiết bị điện, kết cấu thép phi tiêu chuẩn, cung cấp lắp đặt và bảo trì thang máy; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ, vật liệu xây dựng, điện máy, hoá chất, phụ tùng, dụng cụ cơ khí, xăng, dầu, mỡ, khí đốt, khí công nghiệp; Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá; Tư vấn khảo sát thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp; Tư vấn đầu tư lắp đặt các dây chuyền công nghệ, kiểm tra môi hàn bằng phương pháp không phá huỷ (siêu âm, thẩm thấu, từ tính Xray); Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ; Chống ăn mòn bề mặt kim loại; Đầu tư hạ tầng kỹ



thuật và các công trình công nghiệp; Kinh doanh bất động sản, khách sạn, nhà hàng và hoạt động vui chơi giải trí.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chế tạo, lắp đặt, tư vấn đầu tư các công trình xây dựng công nghiệp.

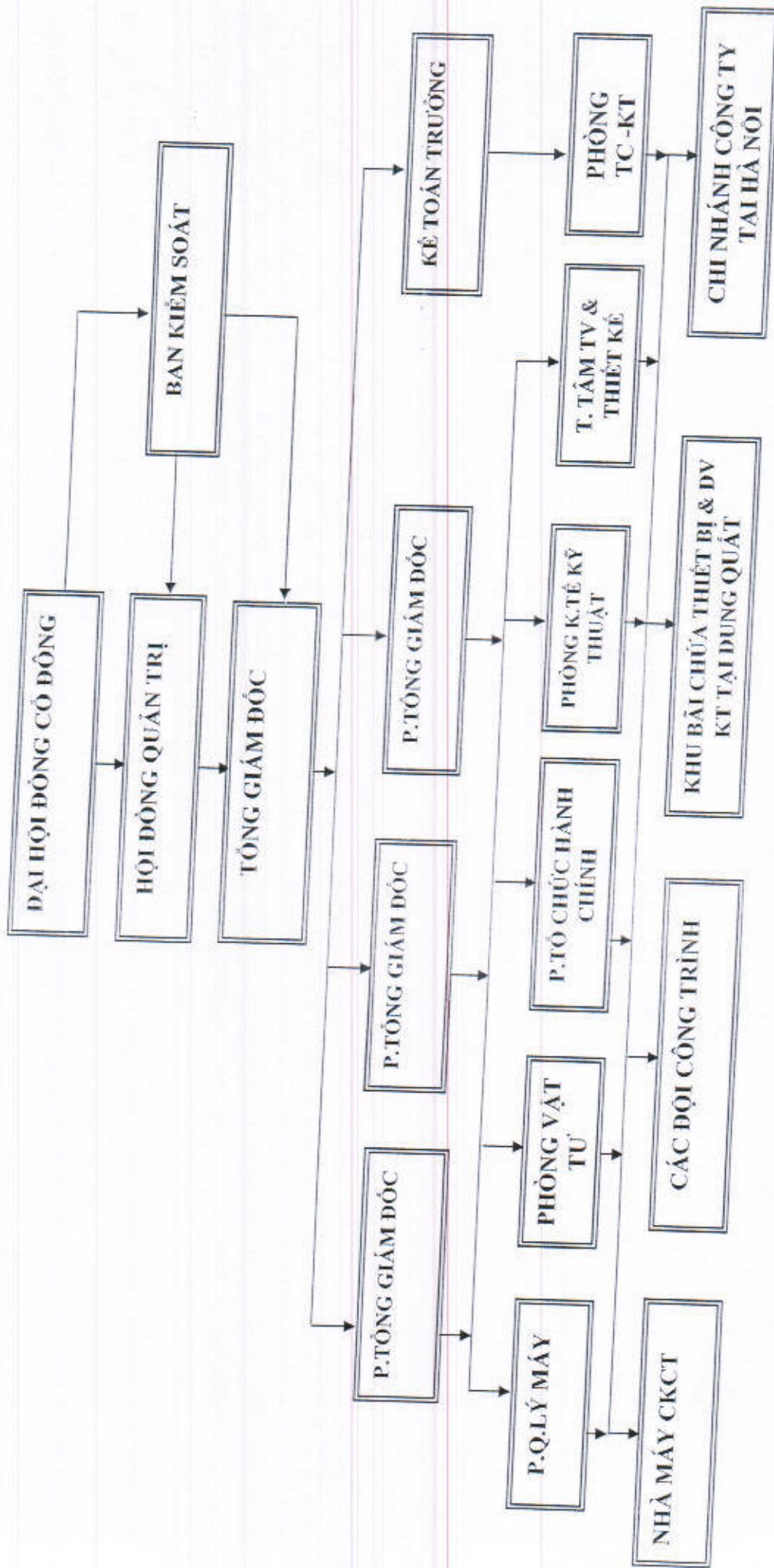
+ Địa bàn kinh doanh:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Trụ sở/ Chi nhánh</u>	<u>Địa điểm</u>
Trụ sở chính	Lô 4K, Tôn Đức Thắng, Phường Lê Hồng Phong Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	A8/TT7 khu đô thị Văn Quán, phường Phúc La, quận Hà Đông Thành Phố Hà Nội
Chi nhánh	Nhà máy cơ khí Lilama 45.3 - Số 51 đường Độc lập TP Tuy Hòa – Phú Yên
Chi nhánh	Trung tâm tư vấn thiết kế Lilama 45.3 – Lô4 K Tôn Đức Thắng – TP Quảng Ngãi - tỉnh Quảng Ngãi
Văn phòng đại diện Lilama 45.3	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh ĐăkLăk

Chủ yếu các công trình nằm tại Miền trung và Tây Nguyên như: Nhà máy thủy điện TĐ Hòa Phú (Buôn Mê Thuột); nhà máy nhiệt điện Thái Bình (Thái Bình), TĐ Vĩnh Sơn 5 (Bình Định), TĐ Sông Bung 4A, TĐ Sông Tranh 3 (Quảng Nam), dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 nhà máy Gang thép Thái Nguyên; Lắp đặt thiết bị, đường ống công nghệ, thiết bị điện, chống sét dự án: Di dời XN sản lắp ô tô từ Bắc Mỹ An vào khu CN Liên Chiểu Đà Nẵng; Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn Thanh Hóa, TĐ Trung Thu - Điện Biên; TĐ Trung Sơn – Thanh Hóa; TĐ Bản Ang - Nghệ An; TĐ Bắc Mê – Hà Giang; dự án mở rộng nhà máy đường KCP Sơn Hòa vv..

3. Thông tin về mô hình quản trị tổ chức, kinh doanh và bộ máy quản lý



3.1- Mô hình quản trị: Công ty Cổ phần Lilama 45.3 thực hiện mô hình quản trị của một Công ty đại chúng niêm yết chứng khoán theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán bao gồm:

- * Đại hội đồng cổ đông;
- * Hội đồng quản trị;
- * Ban kiểm soát
- * Ban Tổng Giám đốc
- * Các bộ phận quản lý

3.2 – Cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty Cổ phần Lilama 45.3 đến ngày 31/12/2015 gồm Ban Tổng Giám đốc; 05 phòng ban; 01 chi nhánh Công ty; 01 trung tâm tư vấn thiết kế; 01 văn phòng điều hành tại Buôn Kuốp – Đắk Lắk; 01 Nhà máy cơ khí Bình Kiến - Phú Yên; 01 khu bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật tại Dung Quất và 11 đội công trình trực thuộc Công ty.

- + Ban Tổng Giám đốc
- + Phòng Tổ chức hành chính
- + Phòng Tài chính kế toán
- + Phòng Vật tư thiết bị
- + Phòng Kinh tế kỹ thuật
- + Phòng Quản lý máy
- + Chi nhánh Công ty tại Hà Nội
- + Khu bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Dung Quất
- + Nhà máy cơ khí chế tạo tại Bình Kiến – Phú Yên
- + 11 đội công trình trực thuộc gồm:
 - Đội công trình Nhà máy thủy điện Trung Thu
 - Đội công trình Nhà máy thủy điện Trung Sơn
 - Đội công trình Nhà máy nhiệt điện Thái Bình
 - Đội công trình Nhà máy gang thép Thái Nguyên
 - Đội công trình Nhà máy thủy điện Sông Bung 4A
 - Đội công trình: Lắp đặt thiết bị, đường ống công nghệ, thiết bị điện, chống sét Dự án di dời Xi nghiệp sẫm lớp vào khu CN Liên Chiểu Đà Nẵng.
 - Đội công trình nhà máy lọc dầu Nghi Sơn – Thanh Hóa.
 - Đội công trình mở rộng nhà máy đường KCP Sơn Hòa
 - Đội công trình gia công chế tạo 03 bộ cánh van cung cho Công ty CP Someco Sông Đà.



- Đội công trình Nhà máy thủy điện Bắc Mê – Hà Giang
- Đội công trình Nhà máy thủy điện Bản Áng – Nghệ An
- Đội công trình bán cát và làm sạch phun sơn Doosan Dung Quất.

+ Các Công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: Không có
- Công ty dưới 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, Công ty nắm giữ: Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên nắm giữ 1.429.000 cổ phần chiếm 40,83% vốn điều lệ.

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: Góp vốn mua cổ phần của Công ty cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn, góp 10% vốn điều lệ đương tương: 25,6 tỷ đồng, công ty đã góp tính đến ngày 31/12/2015 đã góp 25,6 tỷ đồng, đã góp đủ số vốn theo quy định.

- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty có liên quan:

* Tổng công ty Lắp máy Việt Nam

Công ty nắm giữ dưới 51% vốn cổ phần của Công ty CP Lilama 45.3 là Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (nay đổi tên thành Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106313 cấp lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2010.

Trụ sở chính: 124 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Ngành, nghề kinh doanh chính:

- + Sản xuất kinh doanh xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành xây dựng của nhà nước, bao gồm các lĩnh vực thi công lắp đặt thiết bị máy móc
- + Tổng thầu EPC xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường giao dây trạm biến thế điện;
- + Kinh doanh phát triển nhà, tư vấn xây dựng;
- + Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;
- + Xuất nhập khẩu lao động, vật tư thiết bị, công nghệ về lắp máy và xây dựng
- + Đầu tư xây dựng các công trình bao gồm: công nghiệp (thủy điện, nhiệt điện, xi măng, hóa dầu, giấy và thép), dân dụng, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- + Kinh doanh bất động sản, du lịch lữ hành, khách sạn, nhà hàng và khu vui chơi giải trí, kinh doanh vận tải, hàng hoá, các thiết bị siêu trường, siêu trọng, cho thuê thiết bị thi công và vận tải;

- + Tư vấn xây dựng, tổng thầu toàn bộ hoặc một phần của dự án đầu tư các công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật như: lập dự án, thiết kế (chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký) và lập tổng dự toán, tư vấn giám sát, quản lý dự án cung cấp thiết bị công nghệ và điều khiển tự động;
- + Thiết kế, chế tạo thiết bị và gia công kết cấu thép cho các công trình công nghiệp, dân dụng ;
- + Đóng mới và sửa chữa các loại tàu, thuyền , vận tải đường sông và đường biển;
- + Kiểm tra, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điều khiển tự động, hệ thống nhiệt cho các dây chuyền công nghệ, giám sát, kiểm tra chất lượng các mối hàn và tính chất cơ lý của vật liệu;
- + Đào tạo công nhân kỹ thuật các ngành nghề để phục vụ nhu cầu sản xuất cho Tổng công ty và ngoài xã hội; đào tạo nâng cao và cấp chứng chỉ cho thợ hàn; đào tạo và thực hiện việc đưa người lao động Việt Nam (trong và ngoài Tổng công ty) đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài;
- + Dịch thuật các tiêu chuẩn và tài liệu chuyên ngành về lĩnh vực chế tạo và lắp đặt thiết bị, các dây chuyền công nghệ mới;
- + Kinh doanh, xuất khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, nguyên phụ liệu sản xuất, tiêu dùng, dây chuyền công nghệ - tự động hoá, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải, làm đại lý tiêu thụ cho các ngành trong và ngoài nước các mặt hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng theo quy định của pháp luật;
- + Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

• **Công ty cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn:**

- Được cấp giấy chứng nhận đăng lý kinh doanh lần đầu số 0103017658, ngày 30/05/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ tư số 0102279745 cấp ngày 07/09/2015 do Sở kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

- Trụ sở chính: Thôn 7 xã Phú Cát, huyện Quốc Oai – Thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh:

- + Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm;
- + Xây dựng và kinh doanh các công trình điện;
- + Xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, khu đô thị và các khu công nghiệp;
- + Xây dựng khu nhà ở, khu đô thị, khu nghỉ dưỡng, khu du lịch dịch vụ;



- + Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, cấp thoát nước, các công trình đường dây và trạm biến áp, sản xuất kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị phục vụ xây dựng;
- + Đào tạo nghề cho công nhân vận hành nhà máy thủy điện (không bao gồm cấp chứng chỉ và doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- + Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện;
- + Tư vấn, lắp đặt thiết bị điện (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- + Khai thác khoáng sản và kinh doanh các mặt hàng khoáng sản (trừ các loại khoáng sản nhà nước cấm);
- + Tư vấn đầu tư trong nước và ngoài nước (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật và tài chính);
- + Kinh doanh khai thác du lịch và điểm du lịch;
- + Thiết kế kết cấu các công trình xây dựng dân dụng;
- + Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- + Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- + Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;
- + Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

4. Định hướng phát triển

*** Mục tiêu tổng quát:**

Xây dựng Công ty cổ phần Lilama 45.3 là doanh nghiệp có nền tảng tài chính lành mạnh, phát triển ổn định, hướng tới tăng trưởng bền vững trở thành đối tác chuyên nghiệp và đáng tin cậy. Nâng cao sức cạnh tranh, bảo đảm hiệu quả sản xuất kinh doanh, thu hút và phát triển nguồn lực, đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp để đạt được các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu đến năm 2020.

Phát triển theo định hướng của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA), trong đó phát triển tập trung chuyên sâu vào nhóm ngành EPC dầu khí (lọc hóa dầu, giàn khoan dầu khí, công nghệ chế biến, khác...). Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp thông qua tái cấu trúc để Công ty có thể phát triển bền vững.

* Mục tiêu cụ thể:

- Mục tiêu thị trường sản phẩm: Duy trì thị trường truyền thống Gia công, chế tạo cung cấp dịch vụ lắp đặt thiết bị là chủ yếu, tích cực tìm kiếm và chiếm lĩnh các thị trường mới. Luôn cung cấp các sản phẩm có chất lượng ra thị trường, được khách hàng tin nhiệm.

- Mục tiêu tài chính: Lựa chọn thời điểm thích hợp để tăng vốn điều lệ, đảm bảo có lợi nhuận để chi trả cổ tức và tái đầu tư phát triển, quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng trong nước để đảm bảo thu xếp đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Mục tiêu con người: Xây dựng và phát triển lực lượng cán bộ quản lý có trình độ, có tầm nhìn xa, có đạo đức tác phong nghề nghiệp. Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ công nhân tay nghề cao có thể chế tạo được những thiết bị đạt tiêu chuẩn quốc tế và vận hành tốt các nhà máy công nghiệp theo chế độ tự động hóa cũng như các thiết bị tiên tiến của thế giới.

- Tạo ra mô hình cải cách: làm thay đổi một cách toàn diện về quy mô phù hợp với vai trò của Công ty trong lĩnh vực phát triển có sự phân công chuyên môn ngành nghề, đồng thời củng cố sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, tăng quy mô về vốn, đầu tư, điều chỉnh cơ chế hoạt động, quản lý, bố trí lại nguồn lực, xây dựng mô hình quản trị doanh nghiệp phù hợp với thực tế của LILAMA 45.3, tận dụng tối ưu các nguồn lực, cải thiện tình hình tài chính, tăng sức mạnh cạnh tranh.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Sản xuất kinh doanh

+ Tái cấu trúc mọi nguồn lực phù hợp cho từng giai đoạn phát triển để đạt được mục tiêu đề ra.

+ Phát triển gắn liền với quản trị rủi ro

Về ngành nghề: Trên cơ sở rà soát lại các mục tiêu chiến lược, ngành nghề kinh doanh (có sự định hướng của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam), trong đó chú ý đến thị trường sản phẩm chính, môi trường kinh doanh bên trong và bên ngoài, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức và xu hướng phát triển. Công ty Cổ phần Lilama 45.3 xác định sẽ tập trung chuyên sâu vào nhóm ngành EPC (lọc hóa dầu, giàn khoan dầu khí, công nghệ chế biến, khác) là nhóm ngành kinh doanh chính có tầm quan trọng chiến lược, có tiềm năng tăng trưởng và cạnh tranh

- *Thực hiện EPC dầu khí:* Tìm hiểu và tiếp xúc phân khúc lọc hóa dầu, đặc biệt là một số dự án đã nằm trong quy hoạch đã được Chính phủ phê duyệt. Nâng cao năng lực từng bước chuyên sâu xây lắp gia công chế tạo, thiết kế các nhà máy lọc hóa dầu và giàn khoan dầu khí, dự kiến chiếm 40%/ doanh thu thực hiện.

- *Thực hiện EPC Công nghệ chế biến:* Tiếp tục duy trì thực hiện các công nghệ chế biến: Các nhà máy xi măng, Nhà máy đường v.vv.. phần đầu đạt 20%/doanh thu thực hiện.

-*Thực hiện EPC các dự án khác:* Tiếp tục duy trì thực hiện các dự án sở trường như: Thủy điện, nhiệt điện và các công trình công nghiệp và dân dụng khác như: Gang thép, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, đường dây tải điện, trạm biến áp v.vv..., hàng năm phần đầu đạt 40%/doanh thu thực hiện.

+ *Về thị trường:* Tích cực tìm kiếm thị trường, nghiên cứu thế mạnh của Công ty để xây dựng thương hiệu, nâng cao khả năng cạnh tranh để nhận thêm nhiều công trình mới, Triệt để thực hiện quan điểm: Không phân biệt dự án lớn hay nhỏ, thuận lợi hay khó khăn, đơn giản hay phức tạp, các dự án đó có nguồn vốn thanh toán tốt làm sao để có đủ công ăn việc làm cho Người lao động, có doanh thu và lợi nhuận đem về cho Công ty.

+ *Về Tài chính:* Tuân thủ nghiêm túc các quy định hiện hành của Pháp luật về công tác quản lý tài chính, sử dụng hiệu quả dòng tiền, đa dạng hóa các phương án huy động vốn, kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí đầu tư, phối hợp đồng bộ với công tác thi công, nghiệm thu và thu hồi vốn nhằm tăng vòng quay vốn lưu động, giảm vốn vay và chi phí tài chính. Có kế hoạch thoái vốn cụ thể tại Công ty cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn.

+ *Công tác đời sống của CBCNV - NLD:*

- Đảm bảo đủ việc làm cho CBCNV - NLD, thu nhập bình quân hàng tháng là 7.334.000 đồng/người/tháng.

- Duy trì chế độ khuyến khích thợ giỏi, xây dựng đơn giá tiền lương và định mức khoán đảm bảo sự công bằng xã hội và kích thích sản xuất phát triển.

- Chăm lo sức khỏe cho người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ đều đặn, mua BHXH, BHYT, bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ, thăm hỏi trợ cấp khó khăn kịp thời cho CBCNV - NLD.

- Đẩy mạnh phong trào văn hoá, văn nghệ thể thao quần chúng tạo ra cuộc sống tinh thần sôi động, xóa bỏ các tệ nạn xã hội, tích cực tham gia các phong trào với địa phương có hiệu quả.

+ Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Đảm bảo chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của môi trường làm việc theo đúng quy định của luật môi trường, đảm bảo sức khỏe cho người lao động cũng như cộng đồng xã hội. Tiếp tục có chính sách quan tâm đến những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đóng góp xây dựng Nhà tình nghĩa.

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro về pháp luật:

Là doanh nghiệp nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức cổ phần trở thành công ty đại chúng niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội, mọi hoạt động của Công ty chịu sự điều tiết của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và thị trường chứng khoán, Luật xây dựng, Luật đầu tư, Luật đất đai và các quy định về đất đai môi trường v.vv....

Do vậy trong từng thời kỳ các chính sách của Nhà nước thay đổi sẽ liên quan đến ngành Xây - lắp nói chung cũng như việc triển khai hướng dẫn các thay đổi về chế độ chính sách của các cơ quan ban, ngành điều chỉnh không kịp thời, đồng bộ cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.2. Rủi ro đặc thù ngành:

Do đặc thù ngành Xây - lắp thời gian thi công kéo dài, việc nghiệm thu bàn giao được thực hiện từng phần theo giai đoạn, hoạt động lắp thiết bị rất phức tạp điều kiện làm việc ngoài trời với chi phí cao và chịu nhiều rủi ro hình thành từ điều kiện tự nhiên. Bên cạnh đó phải phụ thuộc vào tiến độ cung cấp thiết bị của Chủ đầu tư, việc bàn giao mặt bằng của đơn vị xây dựng làm kéo dẫn tiến độ của hợp đồng cũng nhưng tăng chi phí đầu vào.

Do điều kiện làm việc ngoài trời việc thi công đều ở trên cao nên nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và sự cố lắp đặt. Là ngành đặc thù có nhiều lĩnh vực đòi hỏi độ chính xác cao, có tính chất lưu động và độc hại, nguy hiểm. Để hạn chế các rủi ro trong thi công, Công ty cần phải quan tâm đến vấn đề hướng dẫn về an toàn lao động và trang bị đầy đủ cho công nhân trên các công trường, thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm, các biện pháp an toàn lao động trước khi triển khai thi công. Để hạn chế rủi ro trong quá trình thi công Công ty cần thực hiện mua bảo hiểm cho xe, cầu trên các công trường.

Thời gian quyết toán và thu hồi vốn các công trình xây lắp thường kéo dài, tác động rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Để giảm bớt rủi ro trong công tác thu hồi vốn cần đốc thúc khách hàng trong việc thanh toán công nợ, tránh tồn đọng công nợ.

5.3. Rủi ro về thị trường:

Nước ta ra nhập các tổ chức thương mại quốc tế WTO và ký hiệp ước xuyên Thái Bình Dương (TPP) sẽ tạo ra nhiều cơ hội cũng như thách thức đối với các doanh nghiệp trong nước, việc mở rộng thị trường sẽ tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp nước ngoài cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước.

5.4. Rủi ro khác:

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh dịch bệnh...đều ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như làm chậm tiến độ gây thiệt hại đến các hạng mục công trình đang thi công.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1, Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

+ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015:

DVT: 1000đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2015	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ % so kế hoạch	Tỷ lệ % so với năm 2014
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	593.278.000	332.372.728	56,0	74,4

2	Tổng doanh thu	296.639.000	166.186.364	56,0	74,4
3	Lợi nhuận trước thuế	4.300.000	309.114	7,2	55,1
4	Nộp ngân sách	17.600.000	8.455.735	49,7	52,2
5	Đầu tư XDCB	20.893.000	6.850.192	32,8	130,2
6	Tổng quỹ lương	86.025.000	68.692.277	79,9	137,0
7	Thu nhập BQ (người/tháng)	6.070	7.334	120,8	122,8
8	Dự kiến cổ tức (%)	5%			

Doanh thu thuần năm 2015 đạt 166,1 tỷ đồng so với doanh thu thuần năm 2014 là 223,4 tỷ đồng giảm 57,2 tỷ đồng, giảm 26,6% so với năm 2014, lợi nhuận trước thuế đạt 0,3 tỷ đồng giảm 0,2 tỷ đồng, giảm 44,9% so với năm 2014, các chỉ tiêu không đạt so với Nghị quyết đại hội đồng năm 2015.

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

➤ Thuận lợi

- Năm 2015 nền kinh tế trong nước đã có những cải thiện theo hướng tích cực hơn năm 2014 và đã đạt được những kết quả quan trọng trong việc kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, lãi suất cho vay đã giảm nhiều so với các năm trước.

- Là một đơn vị có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực chế tạo kết cấu thép và lắp đặt máy móc thiết bị cho các công trình thủy điện, nhiệt điện và lọc hóa dầu...

- Công ty đã có định hướng tái cơ cấu lại tổ chức và hoạt động thông qua đề án tái cấu trúc và đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.

- Được sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam trong việc giao thầu một số công trình mới.

- Sự đoàn kết nhất trí cao trong Ban lãnh đạo Công ty kết hợp chặt chẽ của các tổ chức Đoàn thể trong Công ty quyết tâm nỗ lực khắc phục mọi khó khăn.

➤ Khó khăn

+ Địa bàn hoạt động:

Công ty cổ phần Lilama 45.3 đóng trên địa bàn Miền Trung, điều kiện tiếp xúc với các Chủ đầu tư cũng như các dự án lớn gặp rất nhiều hạn chế, với địa bàn thi công dàn trải từ Bắc vào Nam, từ Miền Trung đến các tỉnh Tây Nguyên dẫn đến việc quản lý gặp nhiều khó khăn, đồng thời làm tăng chi phí về di chuyển CBCNV, máy móc thiết bị thi công và chi phí điều hành thi công.

+ Công tác quản trị điều hành doanh nghiệp:

Về công tác quản trị Doanh nghiệp chưa đạt kết quả cao, do đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật và CBCNV còn thiếu kinh nghiệm và tay nghề, nên khả năng đáp ứng về yêu cầu công việc còn hạn chế dẫn đến năng suất lao động thấp.

+ Công tác đấu thầu, tìm kiếm việc làm:

Nơi sinh:	Phường Hương Sơn, TP. Thái Nguyên
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Tây
Địa chỉ thường trú:	Quận Sơn Trà - Thành phố Đà Nẵng
Trình độ văn hoá:	12/12 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Quá trình công tác	
03/1998 – 09/1999	Kỹ thuật thi công Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
09/1999 – 12/2000	Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
01/2001 – 04/2006	Phó Giám đốc Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
05/2006 – 07/2009	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.3
08/2009 – T10/2015	Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty.
T10/2015 – nay	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần LILAMA 45.3.

Ông Trần Quang Du Phó Tổng giám đốc

Năm sinh:	05/08/1970
Nơi sinh:	Bệnh viện thị xã Tuyên Quang.
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Yên Sơn - Thị xã Tuyên Quang.
Địa chỉ thường trú:	15/40 đường Bà Triệu, phường Lê Hồng Phong, thành Phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
Trình độ văn hoá:	10/10 PTTH
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	
1997 – 1998	Kỹ thuật Công ty Lắp máy & Xây dựng số 7
1998 – T09/2009	Đội trưởng các công trình thuộc Công ty CP LILAMA 45.3
T10/2009 – nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP LILAMA 45.3

Ông Huỳnh Lê Hoà		Phó Tổng Giám đốc	
Năm sinh:	20/08/1959		
Nơi sinh:	Đức Thọ, Hà Tĩnh		
Quốc tịch:	Việt Nam		
Dân tộc:	Kinh		
Quê quán:	Hoà Định Đông, Phú Hoà, Phú Yên		
Địa chỉ thường trú:	250 Nguyễn Huệ, TP. Tuy Hoà, Phú Yên		
Trình độ văn hoá:	10/10 PTTH		
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy		
Quá trình công tác:			
1994 – 1996	Kỹ thuật giám sát BQLDA Nhà máy xi măng Phú Yên		
1997 – 1998	TP. Kinh tế - kỹ thuật Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3		
1999 – 2000	TP Kinh tế tiếp thị Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3		
2002 – 2003	TP. Kế hoạch đầu tư Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3		
2004	Phó phòng KT - KT Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3		
2005 – 04/2006	TP Kinh tế - Kỹ thuật Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3		
05/2006 – 03/2010	TP Kinh tế - Kỹ thuật Công ty cổ phần Lilama 45.3		
04/2010 – nay	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần LILAMA 45.3		

Ông Mạc Thanh Hải		Phó Tổng giám đốc	
Năm sinh:	16/06/1975		
Nơi sinh:	Đồng Lưu – Yên thế - Bắc Giang		
Quốc tịch:	Việt Nam		
Dân tộc:	Nùng		
Quê quán:	Đồng Lưu – Yên Thế - Bắc Giang		
Địa chỉ thường trú:	Lô 4K Tôn Đức Thắng – Thành Phố Quảng Ngãi		
Trình độ văn hoá:	12/12		
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí		
Quá trình công tác			
T11/1999 – 2000	Kỹ thuật CT NM thủy điện Đa My Công ty LM & XD 45.3		

2000	Quản lý dự án Phòng KT-KT
2001	Phó chỉ huy trưởng CTNM đường Trà Vinh
2002	Chỉ huy trưởng NM Bông Tâm Thắng
2003	Phó chỉ huy trưởng CT NM nhiệt điện Phú Mỹ 4
T08/2003 – 2004	Giám đốc nhà máy CK Lilama 45.3, kiêm chỉ huy trưởng CT nhà máy thủy sản Nha Trang
2004	Phó chỉ huy trưởng CT Nm xi măng Sông Gianh
T11/2005 – 2008	Phó chỉ huy trưởng CT Nm thủy điện Buôn Kuốp
T01/2009 – T03/2010	Chỉ huy trưởng CT Nm thủy điện Buôn Kuốp
T04/2010 – nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP LILAMA 45.3

2.2 Kế toán trưởng.

Ông Phạm Văn Thìn	Kế toán trưởng
Năm sinh:	26/12/1975
Nơi sinh:	Xã Tây Hiếu – Nghĩa Đàn - Nghệ An
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Hưng Xuân – Hưng Nguyên - Nghệ An
Địa chỉ thường trú:	163 An Dương Vương, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
Trình độ văn hoá:	12/12 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
T4/2004-T11/2004	Nhân viên phòng TC- KT Công ty Lắp máy Và XD số 18
T12/2004-T02/2008	Nhân viên phòng TC- KT Công ty CP LILAMA 45.3
T03/2008-T07/2009	Phó phòng TC- KT Công ty CP LILAMA 45.3
T08/2009 – T07/2010	Trưởng phòng TC- KT Công ty CP LILAMA 45.3
T08/2010 – nay	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng Công ty CP LILAMA 45.3

+ Thay đổi trong Ban điều hành Công ty trong năm:

- Phê duyệt Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm Tổng giám đốc công ty đối với Ông Hoàng Việt, kể từ ngày 01/10/2015.

+ Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Tổng số lao động đến 31/12/2015 là 694 người; trong đó: nam 679 người, 15 nữ, kỹ sư và cử nhân 91 người.
- Chính sách đối với người lao động:
 - + Về tiền lương: Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống lương theo tính chất công việc. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, áp dụng lương khoán theo khối lượng công việc hoàn thành trong tháng. Đối với cán bộ công nhân viên gián tiếp, nghiệp vụ hưởng lương theo công việc và căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.
 - + Về công tác đào tạo: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất; trong thời gian qua, Công ty đã hỗ trợ kinh phí mở các lớp đào tạo cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật. Định kỳ tổ chức các lớp học thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.
 - + Về chính sách khen thưởng: Để khuyến khích người lao động, Công ty có những chính sách khen thưởng xứng đáng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, bên cạnh đó công ty cũng áp dụng các quy định xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.
 - + Công tác đời sống đối với CBCNV Công ty luôn quan tâm, đảm bảo cho người lao động làm việc và thu nhập đúng với kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, mức thu nhập bình quân một người/tháng đảm bảo, tiền thưởng bình quân lao động/người/năm bằng một tháng lương bình quân của năm.
 - + Công ty hàng năm đều tổ chức cho CBCNV đi tham quan du lịch, nghỉ mát.
 - + Trợ cấp khó khăn cho cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn và hỗ trợ cho các gia đình là con em liệt sỹ kịp thời, đúng đối tượng, thực hiện tốt công tác xã hội tại địa phương.
 - + Công tác BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm tai nạn lao động Công ty luôn chấp hành đầy đủ 100% thực hiện đúng chế độ chính sách đối với người lao động.

3. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư:

a, Các dự án đầu tư:

* Dự án khu kho bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật tại Dung Quất: dự án đã cơ bản hoàn thành các hạng mục chính, đã quyết toán trong Quý II năm 2014 để hình thành tài sản, một số hạng mục phụ và thiết bị đang thực hiện vào giai đoạn 2.

* Dự án đầu tư thiết bị phương tiện thi công từ năm 2009 đến năm 2020: Đầu tư mua sắm thiết bị và nâng cao năng lực thiết bị thi công là một vấn đề hết sức quan trọng, năm 2015 Công ty thực hiện đầu tư mua sắm mới thiết bị là 0,9 tỷ đồng, cố gắng sửa chữa, tận dụng thiết bị hiện có để thi công các công trình, tránh đầu tư dàn trải gây lãng phí và đầu tư không hiệu quả.

* Dự án đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn: 25,6 tỷ đồng, tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 đã thông qua phương án thoái toàn bộ vốn đã góp.

* Dự án đầu tư tài sản cố định thông qua thuê mua tài chính 18,89 tỷ đồng, đã đầu tư mua sắm 01 cầu bánh lốp 50 tấn SANY 5,6 tỷ đồng, số còn lại: 13,2 tỷ đồng sẽ tiếp tục thực hiện năm 2016.

b, Công ty con: Công ty Cổ phần Lilama 45.3 có 01 chi nhánh tại Hà Nội, Công ty hạch toán phụ thuộc.

Công ty liên kết: Không có

4, Tình hình tài chính

DVT: 1000đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015	TH 2015/2014 (%)
1	Tổng giá trị tài sản	446.962.139	332.372.728	74,4
2	Doanh thu thuần	223.481.069	166.186.364	74,4
3	Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh	1.238.418	226.901	18,3
4	Lợi Nhuận khác	(677.870)	82.213	12,1
5	Lợi nhuận trước thuế	560.548	309.115	55,1
6	Lợi nhuận sau thuế	354.990	241.109	67,9
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2014
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		16,07	15,14
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		83,93	84,86
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		78,21	78,01
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		21,79	21,99
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		0,50	0,60
	- Khả năng thanh toán ngắn hạn		1,09	1,10
4	Khả năng sinh lời	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0,07	0,10
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		0,15	0,16
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		0,32	0,47
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ		0,69	1,01

- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh.

Hệ số thanh toán ngắn hạn tại ngày 31/12/2015 là 1,09 lớn hơn 1, chứng tỏ tình hình tài chính là an toàn, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn, tuy nhiên hệ số thanh toán nhanh tương đối thấp do đặc thù của ngành xây lắp giá trị sản phẩm dở dang chiếm tỷ trọng lớn trong hàng tồn kho chủ yếu là các công trình xây dựng, lắp đặt chưa quyết toán.

Cơ cấu nguồn vốn: năm 2015 so với cùng kỳ năm 2014, do vốn điều lệ thấp 35 tỷ đồng chưa phù hợp với quy mô tăng trưởng doanh hàng năm nên Công ty phải sử dụng đòn bẩy tài chính cao từ 78,01% lên 78,21%, Công ty sẽ tiếp tục tăng cường các biện pháp thu hồi công nợ để giảm dư nợ vay ngắn hạn.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2015 giảm hơn so với năm 2014; hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần đạt 0,15%, hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu đạt 0,32%, hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ đạt 0,69%.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2015 là:

Tại thời điểm 31/12/2015 (Mệnh giá 10.000 đồng / Cổ phần)

$$\frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}} = \frac{75.228.388.127}{3.500.000} =$$

Giá trị sổ sách = 21.494 đồng (đồng/CP)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a, Cổ phần tại ngày 31/12/2015.

Mã chứng khoán L43

- Tổng số lượng cổ phần : 3.500.000 cổ phiếu phổ thông.
- Cổ phần đang lưu hành: 3.500.000 cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu quỹ: không có
- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 3.500.000 cổ phiếu
- Số lượng hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000đồng /cổ phiếu

b, Cơ cấu cổ đông.

* Tình hình cơ cấu cổ đông: Theo số liệu sổ CD chốt ngày 28/03/2015 như sau:

TT	Danh mục	SL Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
Tổng số lượng cổ phiếu		3.500.000	100%	285	Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông sở hữu từ 5% CP trở lên	1.963.400	56,09%	3	1.963.400	0
	- Trong nước			3	1.963.400	
	- Ngoài nước				0	0
2	Cổ đông khác	1.536.600	43,9%	282	0	1.536.600
	- Trong nước	1.536.000	43,88%	280		1.536.000
	- Ngoài nước	600	0,017%	2		600

*** Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:**

TT	Loại hình cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1.	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	124 Minh Khai – TP Hà Nội	1.429.000	40,83%
2.	Công ty TNHH MTV VIDP Hà Nội	Số 18A, ngõ 238 Hoàng Quốc Việt, TP Hà Nội	359.400	10,26%
3.	Cty TNHH DVKT Việt Nam	60A Cầu Bè – TP Nha	175.000	5,00%



		Trang – Khánh Hòa	
	Tổng cộng		1.963.400

c, Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

d, Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e, Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ban hành ngày 23/06/2013, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015,

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ban hành ngày 14/02/2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược, kế hoạch bảo vệ môi trường.

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ban hành ngày 29/05/2015 quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

Khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy cơ khí tại Dung Quất – Quảng Ngãi Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã đăng ký cam kết bảo vệ môi trường như sau:

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường và sự cố môi trường trong suốt quá trình thi công xây dựng và đi vào hoạt động.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí nhất là giai đoạn hoạt động của dự án đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đảm bảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải (sinh hoạt, nước mưa chảy tràn) và dẫn nối vào hệ thống thoát nước mưa và nước thải chung, không được xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn ra môi trường, đảm bảo chất lượng nước sau khi xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn (chất thải sinh hoạt, sản xuất, nguy hại...) theo đúng quy định, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

- Thực hiện đăng ký cam kết bảo vệ môi trường tại địa phương nơi đơn vị thi công.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT : Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH năm 2014	KH năm 2015	TH năm 2015	So sánh (%)	
				TH 2015/TH 2014	TH2015/KH 2015
Tổng doanh thu	223.481	296.639	166.186	74,4	56,2
Lợi nhuận thực hiện trước thuế	560	4.300	309	55,1	7,2

Trong năm 2015 là một năm khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, xuất phát từ những nguyên nhân khách quan và chủ quan đã ảnh hưởng đến trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Trước những khó khăn về việc làm, về cạnh tranh thị trường, nhằm đảm bảo công tác báo giá, đấu thầu đạt hiệu quả cao. Những tiến bộ Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã đạt được như sau:

- Hoàn thiện quy chế quản lý Doanh nghiệp, quản lý thi công, quản lý nhân lực, quản lý kinh tế trong Công ty.

- Tổ chức thi công các công trình trọng điểm đi vào chuyên nghiệp như: Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn – Thanh Hóa, Nhà máy thủy điện Trung Thu; Trung Sơn, Nhà máy đường KCP Sơn Hòa....

- Chỉ đạo các phòng ban chức năng thực hiện nghiêm túc và triệt để quan điểm của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc với tiêu chí : Không phân biệt dự án lớn hay nhỏ, không quản dự án gần hay xa, không so sánh lợi nhuận nhiều hay ít miễn là trúng thầu và có lợi nhuận.

- Tìm hiểu, nắm bắt kỹ lưỡng các thông tin giá cả trên thị trường, các thông tin về đối thủ cạnh tranh để đưa ra các giải pháp tối ưu nhất trong báo giá đấu thầu.

- Do vậy trong năm 2015, ngoài những hợp đồng đã ký kết từ những năm trước đang được triển khai thi công. Công ty đã ký thêm được một số hợp đồng với giá trị : **255,3 tỷ đồng**, cụ thể như sau :

+ Lắp đặt TB cơ điện đồng bộ - Dự án thủy điện Trung Thu - Điện Biên: 15 tỷ đồng.

+ Lắp đặt ống, lắp kho chứa bảo ôn - Dự án Lọc dầu Nghi Sơn - Thanh Hóa: 39,6 tỷ đồng.

- + Lắp đặt tuabin, XD móng, khu xử lý bùn - Dự án mở rộng nâng công suất NMD KCP Sơn Hòa lên 10.000 tấn mía/ ngày - Phú Yên: 15,3 tỷ đồng.
- + Lắp đặt thiết bị - Dự án nhà máy thủy điện Bắc Mê – Hà Giang: 17,7 tỷ đồng
- + Lắp đặt thiết bị - Dự án nhà máy thủy điện Bản Ang - Nghệ An: 13,8 tỷ đồng
- + Cung cấp và LĐTĐ Nhà máy thủy điện ĐăkRe – Kontum : 128,2 tỷ đồng
- + Lắp đặt, vận hành, cung cấp DVKT TB cơ điện Nhà máy thủy điện Sông Tranh 3 - Quảng Nam : 21,6 tỷ đồng.
- + Một số dự án khác: Cát, vạt mép, lốc côn ống xả đường ống áp lực – NM TĐ ĐăkMi 3; Phần phát sinh do yêu cầu tăng tiến độ - TĐ Hòa Phú... giá trị: 2,8 tỷ đồng.

2, Tình hình tài chính

a, Tình hình tài sản :

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

DVT : Triệu đồng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	289.719	289.389	330	100,1
1 - Tiền và các khoản tương đương tiền	7.200	19.922	(12.722)	36,1
2 - Các khoản phải thu ngắn hạn	126.697	138.985	(12.288)	91,2
3 - Hàng tồn kho	155.822	129.832	25.990	120,0
B – TÀI SẢN DÀI HẠN	55.462	51.627	3.835	107,4
1 - Các khoản phải thu dài hạn	989	430	559	230,3
2 - Tài sản cố định	25.617	24.477	1.140	104,7
3 – Tài sản dở dang dài hạn	868	568	300	152,8
4 - Đtư tài chính dài hạn	25.600	25.600	0	100,0
5 - Tài sản dài hạn khác	2.387	551	1.836	433,2
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	345.181	341.016	4.165	101,2

- Tổng tài sản cuối năm so với đầu năm tăng 1,2% chủ yếu là do tăng tài sản lưu động cụ thể là: hàng tồn kho tăng 25,9 tỷ đồng do chưa nghiệm thu lên phiếu giá kết chuyển vào doanh thu và công nợ trong kỳ.
- Tài sản dài hạn tăng do trong kỳ có đầu tư tài sản cố định và thuê mua tài chính 01 cầu SANY 50 tấn.
- Trong năm 2015, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi số tiền 4.054 triệu đồng, tỷ lệ nợ phải thu xấu chiếm 10,6tỷ đ/134 tỷ đồng chiếm 7,8%/nợ phải thu cũng ảnh hưởng đến kết quả SXKD trong kỳ của Công ty.

b, Tình hình nợ phải trả và nguồn vốn:

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A - NỢ PHẢI TRẢ	269.953	266.011	3.942	101,5
1 - Nợ ngắn hạn	266.678	264.262	2.416	100,9
2 - Nợ dài hạn	3.275	1.749	1.526	187,2
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	75.228	75.005	223	100,3
1 - Vốn chủ sở hữu	75.228	75.005	223	100,3
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	345.181	341.016	4.165	101,2

- Tổng nguồn vốn tăng 4,1 tỷ đồng chủ yếu do nợ phải trả tăng 3,9 tỷ đồng tăng 1,5%, trong đó nợ ngắn hạn tăng 2,4 tỷ đồng, tăng 0,9%, và nợ dài hạn do thuê mua tài chính TSCĐ 1,5 tỷ đồng tăng 87,2% đây là khoản nợ các tổ chức tín dụng, công ty cần quyết liệt thu hồi công nợ, giảm nợ phải trả, nhằm đảm bảo an toàn và chủ động cho nguồn vốn SXKD.
- Vốn chủ sở hữu tăng 223 triệu đồng, tăng 0,3% so với đầu kỳ do lợi nhuận thấp và phải trích các quỹ theo quy định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

3, Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

- + Thực hiện cải tiến cơ cấu tổ chức: Bổ nhiệm một số vị trí chủ chốt, đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ sư, cử nhân trẻ, năng động sáng tạo trong điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh tốt. Phát huy quyền tự chủ của các đơn vị và cán bộ công nhân viên.
- + Kiện toàn các đội sản xuất, chuyển từ cơ chế điều hành tập trung sang cơ chế đội nhận khoán, qua đó tính chủ động, tinh thần trách nhiệm của các cá nhân và hiệu quả SXKD được nâng lên rõ rệt.

- + Kịp thời điều chỉnh tiền lương cho CBCNV theo mức lương tối thiểu mới do nhà nước quy định, tăng mức ăn ca, thu nhập, tạo cho người lao động tâm lý yên tâm, gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.
- + Cơ cấu, cân đối lại vốn và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính.
- Các biện pháp kiểm soát.
- + Thực hiện cơ chế khoán song song với chế độ giám sát chặt chẽ của các Phó Tổng giám đốc phụ trách và các phòng nghiệp vụ liên quan.
- + Các Phó Tổng giám đốc chỉ đạo trực tiếp đội công trình thi công và giải quyết các công việc phát sinh liên quan trực tiếp đến thi công.
- + Phòng Tổ chức hành chính giám sát quá trình sử dụng nhân lực và thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động (việc làm, thu nhập, tiền thưởng, chế độ nghỉ, trang bị BHLĐ...)
- + Phòng Kinh tế - Kỹ thuật phối hợp với phòng Tài chính kế toán lập dự toán thi công, dự toán giao khoán, giám sát quy trình thi công, sử dụng nguyên vật liệu đầu vào, hướng dẫn lập hồ sơ kỹ thuật, nghiệm thu và thanh quyết toán công trình.
- + Phòng Quản lý máy giám sát quá trình sử dụng xe, cầu, máy móc thiết bị thi công đảm bảo tiết kiệm chi phí và an toàn.
- + Phòng vật tư giám sát giá mua vật tư của các đội công trình, những vật tư có giá trị lớn phải đứng ra làm thủ tục mua
- + Phòng tài chính kế toán phối hợp với phòng kinh tế kỹ thuật lập dự toán giao khoán, kiểm soát quá trình ứng và thanh quyết toán các dự toán giao khoán, hướng dẫn tập hợp chi phí, hoá đơn chứng từ theo luật định.

4, Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp nhằm quản lý một cách toàn diện và đồng bộ sản xuất, kinh doanh và đầu tư.
- Cải tiến máy móc, phương tiện thi công, ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào thi công nhằm đáp ứng các yêu cầu về năng lực sản xuất, tăng năng suất lao động, giảm chi phí đầu vào hạ giá thành sản phẩm góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt hiện nay.
- Cơ cấu lại nguồn vốn cho sản xuất và đầu tư, sử dụng linh hoạt các nguồn tiền và vốn của Công ty đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng các dự án.
- Xây dựng chiến lược phát triển nhân tố lao động của Công ty thông qua các chương trình đào tạo dài hạn, ngắn hạn. Đồng thời đề ra các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện về vật chất, môi trường làm việc tốt cho CBCNV,...

• Chiến lược phát triển 05 năm từ năm 2016 đến năm 2020:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	KH 2016	KH 2017	KH 2018	KH 2019	KH 2020
1.	Giá trị SXKD	508.000	513.000	518.200	523.400	528.600
2.	Tổng doanh thu	242.400	254.600	267.300	280.600	294.700
3.	Lợi nhuận	4.600	5.100	5.600	6.100	6.700
4.	Nộp ngân sách	17.800	18.700	19.600	20.600	21.700
5.	Đầu tư XD CB	15.300	10.400	7.600	8.700	10.000

- Giá trị sản xuất tăng trưởng từ 5% -10%, đạt 508 tỷ đồng đến 528 tỷ đồng
- Doanh thu tăng hàng năm là 5% -10% , đạt 242 tỷ đồng đến 294,7 tỷ đồng.
- Lợi nhuận tăng từ 10% -12%, đạt 4,3 tỷ đồng đến 6,7 tỷ đồng.
- Tiếp tục giữ vững vị thế là Doanh nghiệp đầu ngành của Việt Nam trong công tác lắp máy (Chế tạo và lắp đặt thiết bị cho các nhà máy thủy điện, nhà máy lọc dầu, nhà máy nhiệt điện và các công trình công nghiệp, dân dụng khác....)

• Nhận định chung trong năm 2016

- Trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều tác động tới kinh tế trong nước, giá dầu liên tục giảm ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách, làm giảm vốn đầu tư công, một số dự án lọc dầu có nguy cơ tạm dừng đầu tư hoặc giãn tiến độ gây khó khăn cho công tác tiếp thị tìm kiếm việc làm.

- Việc hội nhập quốc tế đã nảy sinh ra những vấn đề về cạnh tranh, ngày càng xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh cùng ngành nghề với Lilama, các đối thủ đó đều mạnh về tài chính, trình độ quản lý, trình độ khoa học công nghệ, nguồn nhân lực và đơn giá nhân công.

- Một số khách hàng gần đây cũng gặp khó khăn về tài chính, việc thu hồi vốn sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng trực tiếp.

Do đó Hội đồng quản trị Công ty cần thực hiện mạnh hơn các biện pháp để hoàn thành kế hoạch năm 2016 :

- Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra giám sát việc điều hành của Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước cũng như các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Thực hiện tốt công tác quản lý các mặt của Công ty để trên cơ sở đó điều hành các mặt sản xuất kinh doanh sát với tình hình thực tế.

Trong năm 2016 Công ty sẽ phấn đấu hoàn thành kế hoạch kinh doanh như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2016	Ghi chú
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	1000 đồng	508.000.000	
2	Tổng doanh thu	1000 đồng	242.400.000	
3	Lợi nhuận trước thuế	1000 đồng	4.600.000	
4	Nộp ngân sách	1000 đồng	17.800.000	
5	Đầu tư XDCB	1000 đồng	15.300.000	
6	Tổng quỹ lương	1000 đồng	70.314.000	
7	Thu nhập BQ (người/tháng)	1000 đồng	7.464	
8	Dự kiến cổ tức	%	5%	

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có ý kiến.

6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

Để thực hiện cam kết bảo vệ môi trường, công ty sẽ thực hiện đầy đủ các biện pháp để bảo vệ môi trường, thực hiện theo các Quy chuẩn về bảo vệ môi trường.

IV - ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty :

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần LILAMA45.3, HĐQT đã xây dựng kế hoạch công tác, chương trình làm việc cụ thể, hoạch định chiến lược phát triển Công ty theo từng giai đoạn. Trong năm 2015, HĐQT đã họp 15 phiên vào từng quý và bất thường, các phiên họp có sự tham gia của Ban kiểm soát, một số phiên họp mở rộng có sự tham gia của ban Tổng giám đốc, các Trưởng phòng ban.

- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 diễn ra vào ngày 17/04/2015.
- Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015.

Trên cơ sở phương hướng nhiệm vụ đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 thông qua, Hội đồng quản trị đã phê duyệt kế hoạch kinh doanh từng quý, đồng thời kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và có chỉ đạo cụ thể nhằm hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2015.

Soạn thảo và ban hành các quy chế, quy định nội bộ để quản lý Công ty

Xây dựng và duy trì hệ thống chất lượng ISO 9001-2008.

Để ổn định về bộ máy tổ chức quản lý và duy trì sự lãnh đạo công ty và chi nhánh, Hội đồng quản trị công ty đã quyết định:

- Ông Hoàng Việt xin thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT và HĐQT đã đề cử Ông Bùi Quốc Vương giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty từ tháng 10/2015.

- Tái bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

- Công ty đã ký hợp đồng vay vốn với các Ngân hàng, về cơ bản đã đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho SXKD và đầu tư năm 2015.

+ Phân phối lợi nhuận năm 2014: đã thực hiện phân phối lợi nhuận theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

+ Về việc chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính 06 tháng và cả năm 2015: HĐQT Công ty đã thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA).

+ Về việc thông qua đề án tái cấu trúc doanh nghiệp và nâng cao năng lực quản trị của Tổng Công ty giai đoạn 2012-2015 và 2016 đến 2020 của Công ty Cổ phần LILAMA 45.3. Đề án tái cấu trúc doanh nghiệp và nâng cao năng lực quản trị của Công ty đã được Tổng công ty LILAMA Việt Nam thông qua tại Nghị quyết số 120/TCT-HĐTV ngày 11/04/2014 với các nội dung như: Ngành nghề kinh doanh; Vốn điều lệ; Cơ cấu tổ chức; Lộ trình thoái vốn đến năm 2015; Tái cấu trúc quản trị doanh nghiệp.

+ Kế hoạch, lộ trình thoái vốn tại Công ty Cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn: Việc thực hiện thoái vốn phải đảm bảo nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch, hiệu quả. Tuy nhiên trong giai đoạn vừa qua Công ty vẫn chưa thực hiện được việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn vì lý do khách quan.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý khác nhằm bảo đảm cho hoạt động SXKD của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng pháp luật, triển khai theo đúng Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT, luôn chú trọng công tác rủi ro, kịp thời phát hiện và khắc phục các điểm yếu, tạo đà phát triển bền vững, đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để các cổ đông, các nhà đầu tư và các cơ quan chức năng thực hiện tốt được vai trò giám sát, thanh tra kiểm tra hoạt động SXKD của Công ty, đảm bảo cân đối hài hòa cho lợi ích của Cổ đông, đối tác và bạn hàng cũng như quyền lợi của Người lao động.

Bên cạnh những mặt đã đạt được, hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 vẫn còn những hạn chế và tồn tại chưa khắc phục được như: Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách chưa đạt so với kế hoạch, chưa thu hồi được công nợ của công trình Nhà máy thủy điện Drayh'Linh 3 với giá trị là: 5,2 tỷ đồng, công nợ nhà máy thủy điện Đăm

Bol với giá trị: 10,2 tỷ đồng, công trình nhà máy thủy điện La La - Quảng Trị với giá trị: 3,2 tỷ đồng, đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho 03 công trình này.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc thuận lợi, phát huy tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên.

- Tiếp tục kiện toàn hệ thống quy chế quản lý nội bộ và triển khai thực hiện nhất quán tại các đơn vị, công trình trực thuộc;

- Tăng cường công tác tiếp thị, tìm kiếm việc làm, mở rộng thị trường.

- Công ty sẽ phối hợp và hỗ trợ tối đa để các thành viên trong HĐQT và Ban kiểm soát hoàn thành tốt công việc theo quy định của pháp luật và theo quy điều lệ của công ty;

- Cử thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc và một số vị trí chủ chốt khác trong công ty tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng trình độ quản trị doanh nghiệp.

V - QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Thành viên Hội đồng quản trị

a. Hội đồng quản trị công ty có 05 thành viên trong đó có 02 thành viên độc lập không điều hành.

Tóm tắt lý lịch của các thành viên HĐQT

Ông Bùi Quốc Vương	Chủ tịch HĐQT (đề cử ngày 01/10/2015)
Năm sinh:	04/02/1974
Nơi sinh:	Thái Nguyên
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Tổ 7 phường Tân Lập – Thành phố Thái Nguyên
Địa chỉ thường trú:	Lô 4K Tôn Đức Thắng – TP Quảng Ngãi
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện
Quá trình công tác:	
T08/1996 – 1998	Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.1
1999-2000	Kỹ sư giám sát - biệt phái cho Tcty LILAMA tại CT NM xi măng Nghi Sơn – Thanh Hoá
2000-2002	Kỹ sư giám sát tại Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ I
2002-2003	Trưởng phòng tổ chức hành chính Ban Quản lý

	LILAMA tại Dung Quất
2003-2006	Chỉ huy trưởng tại Công trình NM ximăng Sông Gianh Quảng Bình thuộc Cty Lắp máy và XD số 7
2006- T09/2009	Trưởng phòng TC-HC Ban QL dự án LILAMA NM lọc dầu Dung Quất
T10/2009-T05/2010	Phó phòng tổ chức LĐ Cty Cổ phần LILAMA 45.3
T06/2010 – T10/2015	Thành viên HĐQT Trưởng phòng Tổ chức HC Công ty CP LILAMA 45.3
T10/2015 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP LILAMA 45.3
Ông Hoàng Việt	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc (đã nêu ở Ban điều hành)
Ông Huỳnh Lê Hòa	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc (đã nêu ở Ban điều hành)
Ông Phạm Văn Thìn	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng (đã nêu ở Ban điều hành)
Ông Vũ Quang Thế	Thành viên HĐQT - Trưởng phòng vật tư (bổ nhiệm ngày 18/04/2013)
Năm sinh:	02/01/1967
Nơi sinh:	Nam Thái – Nam Trục – Nam Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Nam Thái – Nam Trục – Nam Định
Địa chỉ thường trú:	Tổ 11 – Phường Nghĩa Chánh – TP Quảng Ngãi
Trình độ văn hoá:	10/10 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
T04/1992-T6/1996	Phòng Tổ chức – Công ty 32 - Tổng cục hậu cần
T7/1996-T7/1999	Nhân viên Phòng vật tư – Công ty Cổ phần Lilama 45.1
T1/2000-T9/2000	Nhân viên Phòng vật tư – Công ty cổ phần Lilama 18
T10/2000-T4/2004	Trưởng ban vật tư – Nm lọc dầu Dung Quất – Công ty cổ phần Lilama 18
T5/2004-T5/2006	Trưởng ban vật tư – Nm ximăng Sông Gianh – Công ty cổ phần Lilama 18
T6/2006-T9/2009	Trưởng phòng vật tư – Nm lọc dầu Dung Quất – Công ty

T10/2009-T12/2011	cổ phần Lilama 18 Nhân viên Phòng vật tư – Công ty cổ phần Lilama 45.3
T1/2012- nay	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng vật tư – Công ty cổ phần Lilama 45.3

Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT (Phần sở hữu cá nhân)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày niêm yết (11/06/2008)		Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2015	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Bùi Quốc Vương	CT HĐQT	0		20.000	0,57
2	Hoàng Việt	TV HĐQT	15.000	0,43	55.000	1,57
3	Huỳnh Lê Hòa	TV HĐQT	10.000	0,28	25.000	0,71
4	Phạm Văn Thìn	TV HĐQT	10.000	0,28	35.000	1,00
5	Vũ Quang Thế	TV HĐQT	0		10.000	0,29

b, Các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

c, Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2015 Hội đồng quản trị Công ty chưa thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động SXKD của Công ty dẫn đến hiệu quả kinh doanh thấp. Kiểm tra giám sát về việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà Nước, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các quy định, điều hành của Tổng Giám đốc trong hoạt động SXKD. Bằng các Nghị quyết và quyết định của mình, HĐQT đã đưa ra định hướng và các giải pháp để chỉ đạo thực hiện hoạt động SXKD.

TT	Số nghị quyết/QĐ	Ngày	Nội dung
I.	Nghị quyết		
1.	05/2015/NQ-HĐQT	15/01/2015	- Thông qua kết quả SXKD và ĐTPT Quý IV năm 2014 - Thông qua kế hoạch SXKD và ĐTPT Quý I năm 2015
2.	08/2015/NQ-HĐQT	09/02/2015	- Thông qua việc điều chỉnh tỷ lệ vốn giao cho Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Lilama 45.3 - Thông qua chọn đơn vị cho thuê tài chính và giá trị

			thuê mua tài chính đối với đầu tư 01 cầu bánh lốp 50tấn SANY STC 500.
3.	10/2015/NQ - HDQT	09/03/2015	- Thông qua kết quả SXKD và ĐTPT năm 2014
			- Thông qua kế hoạch SXKD năm 2015.
			- Thông qua tình hình triển khai đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty cổ phần Lilama 45.3 trong năm 2014 và kế hoạch năm 2015
			- Thông qua thời gian chốt danh sách cổ đông và thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2015.
			- Thông qua tài liệu cho Đại hội cổ đông thường niên năm 2015
			- Thông qua phân công trách nhiệm thực hiện.
4.	22/BB-HDQT	18/04/2015	- Phê duyệt phương án vay vốn và bảo lãnh tại Agribank Đà Nẵng để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh năm 2015
			- Thông qua phê duyệt việc sử dụng tài sản thế chấp và quyền đòi nợ để đảm bảo cho khoản vay tại CN Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn TP. Đà Nẵng.
			- Thông qua ủy quyền cho Tổng Giám Đốc và là người đại diện pháp luật của Công ty là Ông Hoàng Việt
			- Thông qua chỉ định tài khoản giao dịch trong các hợp đồng kinh doanh.
5.	23/2015/NQ-HDQT	18/04/2015	- Thông qua kết quả SXKD và ĐTPT Quý I năm 2015, dự kiến kế hoạch SXKD và ĐTPT Quý II năm 2015 và tình hình thoái vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Lilama 45.3
			- Thông qua công tác thu hồi vốn Quý I năm 2015 và dự kiến thu hồi vốn quý II năm 2015.
			- Thông qua trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi trong quý I năm 2015
			- Thông qua công tác cán bộ
6.	27/2015/NQ-HDQT	16/06/2015	- Thông qua tình hình thoái vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Lilama 45.3
			- Thông qua công tác thu hồi vốn Quý II năm 2015.
			- Thông qua trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi trong Quý II năm 2015
			- Thông qua phương án đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn 4 do Công ty cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn thực hiện

7.	31/2015/NQ-HĐQT	17/07/2015	- Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2015. - Thông qua thời gian kiểm toán và mức phí kiểm toán báo cáo tài chính.
8.	32/2015/NQ-HĐQT	20/07/2015	- Thông qua kết quả SXKD và ĐTPT Quý II năm 2015, dự kiến kế hoạch SXKD và ĐTPT Quý III năm 2015 - Thông qua công tác thu hồi vốn Quý II năm 2015 và dự kiến thu hồi vốn Quý III năm 2015 - Thông qua tình hình thực hiện đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty.
9.	35/2015/NQ-HĐQT	04/08/2015	- Thông qua điều chỉnh tỷ lệ vốn giao cho người đại diện phần vốn của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam tại Công ty CP Lilama 45.3 - Thông qua công tác cán bộ
10.	41/2015/NQ-HĐQT	21/09/2015	- Thông qua dự kiến kết quả SXKD và ĐTPT Quý III năm 2015, dự kiến kế hoạch SXKD và ĐTPT Quý IV năm 2015 - Thông qua công tác thu hồi vốn Quý III năm 2015 và dự kiến thu hồi vốn Quý IV năm 2015 - Thông qua tình hình thực hiện đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty. - Thông qua gia hạn thời gian sử dụng Trụ sở cũ 51 Độc Lập - TP Tuy Hòa, Phú Yên. - Thông qua công tác tổ chức và nhân sự thành lập Ban quản trị rủi ro Công ty.
11.	42/2015/NQ-HĐQT	30/09/2015	- Thông qua việc điều chỉnh tỷ lệ vốn giao cho người đại diện phần vốn của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam tại Lilama 45.3. - Thông qua nhân sự giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 45.3.
12.	48/2015/NQ-HĐQT	19/10/2015	- Thông qua kết quả SXKD và ĐTPT Quý III năm 2015, kế hoạch SXKD và ĐTPT Quý IV năm 2015 - Thông qua công tác thu hồi vốn Quý III năm 2015 và kế hoạch thu hồi vốn Quý IV năm 2015 - Thông qua nhân sự trong Ban tái cấu trúc và kế hoạch thực hiện đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị công ty. - Thông qua quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và quan hệ phối hợp với Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.3.
13.	53/2015/NQ-HĐQT	27/11/2015	- Thông qua công tác an toàn lao động trên các công trình năm 2015

			- Thông qua chi phí tai nạn lao động tại công trình Nhà máy đường KCP Sơn Hòa.
14.	57/2015/NQ-HDQT	14/12/2015	- Thông qua dự kiến thực hiện SXKD và ĐTPT Quý IV năm 2015.
			- Thông qua công tác thu hồi vốn Quý IV năm 2015 và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi quý IV năm 2015.
			- Thông qua ban hành quy chế quản lý Người đại diện phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.
			- Thông qua tình hình thực hiện đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty.
			- Thông qua trích bổ sung tiền lương tháng 13 năm 2015.
15.	60/2015/NQ-HDQT	17/12/2015	- Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét báo cáo tài chính năm 2015.
			- Thông qua thời gian kiểm toán và mức phí kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015.
II	Các quyết định		
1.	QĐ 06 /CT-HDQT	15/01/2015	V/v phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đầu tư tăng cường năng lực thiết bị thi công
2.	QĐ 121 /2015/TCLĐ	02/04/2015	V/v thành lập Ban chuẩn bị Đại hội cổ đông thường niên năm 2015
3.	QĐ 11/TC-HC	18/04/2015	V/v phê duyệt đơn giá tiền lương và quỹ tiền lương kế hoạch năm 2015
4.	QĐ 46/2015/CT-HDQT	09/10/2015	Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT Công ty cổ phần Lilama 45.3.
	QĐ 49/2015/CT-HDQT	21/10/2015	Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và quan hệ phối hợp với Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.3.
5.	QĐ 58 /2015-HDQT	14/12/2015	Ban hành quy chế quản lý Người đại diện phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.

d, Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:

- Tham dự đầy đủ các phiên họp HĐQT, cùng xem xét nghiên cứu và đưa ra ý kiến đóng góp cho Nghị quyết của HĐQT.

- Thường xuyên cùng Ban kiểm soát công ty kiểm tra hoạt động tài chính và các hoạt động khác của công ty.

- Có ý kiến kịp thời với Ban Tổng giám đốc và HĐQT khi nhận thấy có những quyết sách chưa hợp lý.

c, Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT:

Hội đồng quản trị công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc mà phân công cho các uỷ viên HĐQT phụ trách từng lĩnh vực và tham gia trực tiếp vào các Hội đồng của công ty như: Hội đồng lương, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng bảo hộ lao động, Hội đồng giao khoán.

f, Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Quốc Vương	Chủ tịch HĐQT
2	Hoàng Việt	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc
3	Huỳnh Lê Hòa	Thành viên HĐQT – Phó tổng GD
4	Phạm Văn Thìn	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng

2. Ban kiểm soát

a, Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

- + Ông: Nguyễn Mạnh Hương Trưởng Ban kiểm soát
- + Ông: Phạm Xuân Đông Thành viên Ban kiểm soát
- + Ông: Trần Ngọc Dũng Thành viên Ban kiểm soát

Tóm tắt lý lịch của các thành viên Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Mạnh Hương	Trưởng Ban kiểm soát
Năm sinh:	1982
Nơi sinh:	Huyện Lâm Thao, Phú Thọ
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Trường Thịnh, Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ
Địa chỉ thường trú:	Khu 10, Thị Trấn Hùng Sơn, Lâm Thao, Phú Thọ
Trình độ văn hoá:	12/12 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	

2004 – nay	Nhân viên Phòng Tài chính - Kế toán Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
Ông Phạm Xuân Đồng	Thành viên Ban kiểm soát
Năm sinh:	1959
Nơi sinh:	Hà Nam
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Liêm Túc - huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam
Địa chỉ thường trú:	Tổ 10 phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi
Trình độ văn hoá:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế lao động
Quá trình công tác:	
1980-1982	Là CN hàn làm tại Nhà máy xi măng Bim Sơn thuộc xí nghiệp lắp máy số 1 Hà Nội
1982 – 1984	Làm tại nhà máy nhiệt điện Phả Lại
1985 – 1988	Dạy thực hành hàn Công trình thủy điện Sông Đà
1988 – 1992	Học Đại Học Công Đoàn ngành kinh tế lao động
1993 – 1995	Làm tại phòng tổ chức lao động XN lắp máy và XD 45-3 lắp đặt trạm 500PleiKu
1995 – nay	Chủ tịch Công Đoàn Công ty cổ phần LILAMA 45.3
Ông Trần Ngọc Dũng	Thành viên Ban kiểm soát – Phó phòng Kinh tế - Kỹ thuật
Năm sinh:	1974
Nơi sinh:	Kim Xuyên – Sơn Dương – Tuyên Quang
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Sơn Đông - Lập Thạch – Vĩnh Phúc
Địa chỉ thường trú:	L4K Đường Tôn Đức Thắng – TP Quảng Ngãi
Trình độ văn hoá:	10/10 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác:	

T5/1996-T6/1996	Nhân viên phòng kỹ thuật – Công ty Lắp máy và XD 45-3
T6/1996-T8/1997	Kỹ thuật thi công Nhà máy đường Yaunpa – Gia Lai
T9/1997-T6/1998	Nhân viên phòng Kinh tế - kỹ thuật Công ty Lắp máy và XD 45-3
T7/1998-T4/1999	Đội phó đội công trình Nmáy thủy điện Sông Hinh – Phú yên
T5/1999-T11/1999	Kỹ thuật thi công nhà máy thủy điện Đa Mi – Hàm Thuận
T12/1999-T2/2001	Kỹ thuật thi công nhà máy đường Cam Ranh Khánh Hòa
T3/2001-T 7/2002	Nhân viên Phòng Kinh tế - Tiếp thị - Công ty Lắp máy & XD 45-3
T8/2002-T10/2003	Nhân viên Phòng kế hoạch Đầu tư – Công ty Lắp máy & XD 45-3
T11/2003-T4/2005	Nhân viên Phòng Kinh tế Kỹ thuật – Công ty Lắp máy & XD 45.3
T5/2005 - nay	Phó phòng Kinh tế kỹ thuật – Công ty CP Lilama 45.3

b, Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát công ty hợp định kỳ cùng với các kỳ họp HĐQT. Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong điều lệ của công ty: giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực về báo cáo hoạt động của Công ty, nhằm đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư.

Thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc khi triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị đến các phòng ban, các đội công trình, các cổ đông trong và ngoài Công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh các vấn đề có liên quan đến Đại hội đồng cổ đông thường niên...

Thường xuyên trao đổi cùng Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách chế độ tài chính hiện hành cũng như việc tuân thủ điều lệ, quy chế hoạt động trong công ty.

Hàng năm Ban kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

c, Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên BKS (Phần sở hữu cá nhân)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày niêm yết	Số cổ phần sở hữu tại ngày
-----	-----------	---------	-------------------------------------	----------------------------

			(11/06/2008)		31/12/2015	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Mạnh Hường	Trưởng BKS	0		0	0
2	Phạm Xuân Đồng	TV BKS	9.600	0,27	0	0
3	Trần Ngọc Dũng	TV BKS	38.000	0,01	0	0

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a, Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác và chi phí cho HĐQT, ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát:

Chủ tịch HĐQT: Thù lao 3 lần mức lương tối thiểu /tháng, từ tháng 10/2015 không có thù lao cho Chủ tịch HĐQT do Ông Hoàng Việt thôi không giữ chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty và HĐQT Công ty đã bầu Ông Bùi Quốc Vương giữ chức danh này.

Thành viên HĐQT và TBKS: Thù lao 2 lần mức lương tối thiểu/tháng

Thành viên Ban kiểm soát: Thù lao 1,5 lần mức lương tối thiểu/tháng

Thư ký HĐQT: Thù lao 1 lần mức lương tối thiểu/tháng

DVT: đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao
1	Bùi Quốc Vương	Chủ tịch HĐQT	178.987.874	20.700.000
2	Hoàng Việt	TV HĐQT – Tổng GĐ	273.057.458	37.950.000
3	Huỳnh Lê Hòa	TV HĐQT – Phó TGD	204.533.041	27.600.000
4	Phạm Văn Thìn	TV HĐQT - Kế toán trưởng	203.929.104	27.600.000
5	Vũ Quang Thế	TV HĐQT – TP Vật tư	138.166.874	27.600.000
6	Trần Quang Du	Phó Tổng GĐ	204.659.541	
7	Mạc Thanh Hải	Phó Tổng GĐ	221.178.125	
8	Ng. Mạnh Hường	Trưởng BKS	2.000.000	24.840.000
9	Phạm Xuân Đồng	TV BKS	167.557.187	20.700.000

10	Trần Ngọc Dũng	TV BKS	124.655.627	20.700.000
11	Phạm Thị Bích Hà	Thư ký HĐQT	124.102.083	13.800.000
Tổng cộng			1.842.826.914	221.490.000

b, Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Trong năm 2015, Tổng công ty Lắp máy Việt Nam thoái vốn tại Công ty cổ phần Lilama 45.3 như sau:

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Ghi chú
				Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1,	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	Cổ đông nhà nước	Tháng 01 và T03/2015	1.429.000	40,83 %	Bán
2,	Công ty TNHH kỹ thuật Việt Nam	Nhà cung cấp dịch vụ kiểm tra siêu âm mỗi hàn	Tháng 03/2015	175.000	5,00%	Mua
3,	Bùi Quốc Vương	CT HĐQT	Tháng 01/2015	20.000	0,57%	Mua
4,	Hoàng Việt	TV HĐQT	Tháng 01/2015	55.000	1,57%	Mua
5,	Phạm Văn Thìn	TV HĐQT	Tháng 01/2015	35.000	1,00%	Mua
6,	Huỳnh Lê Hòa	TV HĐQT	Tháng 01/2015	25.000	0,71%	Mua
7,	Vũ Quang Thê	TV HĐQT	Tháng 01/2015	10.000	0,29%	Mua
8,	Mạc Thanh Hải	PTGD	Tháng 01/2015	17.700	0,51%	Mua
9,	Trần Quang Du	PTGD	Tháng 01/2015	27.000	0,77%	Mua

c, Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

VI- BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bao gồm: Báo cáo của Ban Giám đốc; Báo cáo kiểm toán ; Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

1, Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Lilama 45.3 tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2, Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán (đính kèm).

Quý cổ đông quan tâm xem chi tiết Báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán được công bố thông tin trên trang Website của Công ty theo đường link: <http://www.lilama45-3.com>

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bùi Quốc Vương

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 25
<i>Phụ lục số 01: Bảng tăng giảm tài sản cố định hữu hình</i>	26
<i>Phụ lục số 02: Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	27
<i>Phụ lục số 03: Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>	28
<i>Phụ lục số 04: Bảng biến động vốn chủ sở hữu</i>	29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 45.3 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần LILAMA 45.3 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.3. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 340300084 ngày 15/05/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 06/08/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp với số đăng ký kinh doanh mới là 4400135344.

Theo giấy đăng ký kinh doanh, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (giao thông, thủy lợi, công nghiệp, đường điện, trạm biến áp, xi măng, thủy điện, nhiệt điện, dầu khí, hạ tầng kỹ thuật, xử lý nền móng);
- Hoàn thiện công trình xây dựng (trang trí nội thất);
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác;
- Khảo sát, tư vấn: Kết cấu dân dụng, công nghiệp; quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội - ngoại thất dân dụng, công nghiệp; cấp điện ngành nông nghiệp; chế tạo thiết bị máy cơ khí;
- Kiểm tra mối hàn (siêu âm, thăm thấu, từ tính Xray); hiệu chỉnh thiết bị điện, nhiệt, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ; chống ăn mòn bề mặt kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nổi hơi;
- Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị;
- Sản xuất thiết bị điện (cơ, điện);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy;
- Sản xuất, bán hoá chất cơ bản (khí công nghiệp);
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Bán buôn vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Đại lý (mua bán, gửi hàng hoá).

Trụ sở chính của Công ty tại Lô 4K, đường Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Vốn điều lệ của Công ty là 35.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 3.500.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Vốn góp thực tế tại ngày 31/12/2015 như sau:

	<u>Số cổ phần</u>	<u>Số tiền tương ứng</u>	<u>Tỷ lệ/Vốn điều lệ</u>
Vốn góp của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV	1.429.000	14.290.000.000	40,83 %
Vốn góp của cổ đông khác	2.071.000	20.710.000.000	59,17 %
	3.500.000	35.000.000.000	100,00 %

CÁC SỰ KIỆN LỚN PHÁT SINH TRONG KỲ KẾ TOÁN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trong kỳ, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV là công ty mẹ của Công ty cổ phần LILAMA 45.3 đã thực hiện chuyển nhượng 356.000 cổ phần, tương đương với 3.560.000.000 đồng vốn góp cho các cổ đông khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3

Đ/c: Lô 4K - Đường Tôn Đức Thắng - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi

Sau khi chuyển nhượng, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV còn nắm giữ 40.83% trên tổng số vốn góp, do đó không còn là công ty mẹ của Công ty cổ phần LILAMA 45.3 mà chỉ là một cổ đông lớn của Công ty.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Bùi Quốc Vương	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Hoàng Việt	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Phạm Văn Thìn	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Huỳnh Lê Hòa	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Vũ Quang Thế	Thành viên hội đồng quản trị

Các thành viên Ban giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Hoàng Việt	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Lê Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mạc Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Du	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Thìn	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Ông Nguyễn Mạnh Hương	Trưởng ban
Ông Phạm Xuân Đông	Thành viên
Ông Trần Ngọc Dũng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA). Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3

Đ/c: Lô 4K - Đường Tôn Đức Thắng - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận; và các vi phạm khác;

Ban Giám đốc Công ty cũng xác nhận tính đầy đủ và hiện hữu của các khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định, công nợ phải thu phải trả tại ngày 31/12/2015 trên Báo cáo tài chính của Công ty, chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty;

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 02 năm 2016

TM Ban giám đốc ✓

Tổng Giám đốc



Hoàng Việt



Thành viên Hãng Kiểm toán MGI Quốc tế

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Địa chỉ : Số 29, Biệt thự 2, KĐT Bắc Linh Đàm, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội

Tel: (+84 4) 3767 0720 • Fax: (+84 4) 3676 0721

Số: ~~1227~~/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 45.3**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 45.3, được lập ngày 25/02/2016, từ trang 07 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lilama 45.3 tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.01, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



LÊ NGỌC KHUÊ

Phó Giám đốc

Giấy CNDKHNKT số 0665-2014-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2016

TÓNG THỊ BÍCH LAN

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHNKT số 0060-2014-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		289.719.083.839	289.388.862.216
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.200.181.619	19.922.849.741
1. Tiền	111	V.01	7.200.181.619	19.922.849.741
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		126.696.830.865	139.633.971.904
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	134.208.203.246	144.805.863.081
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.672.087.700	424.779.800
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		296.940.979	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	1.151.717.097	980.638.142
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(10.632.118.157)	(6.577.309.119)
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	155.822.071.355	129.832.040.571
1. Hàng tồn kho	141		155.822.071.355	129.832.040.571
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55.462.479.016	51.627.448.549
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		989.450.000	430.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	989.450.000	430.500.000
II. Tài sản cố định	220		25.617.538.332	24.477.258.909
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	18.118.962.338	21.173.040.307
- Nguyên giá	222		67.710.043.810	67.075.598.983
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(49.591.081.472)	(45.902.558.676)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	7.471.992.671	3.266.635.275
- Nguyên giá	225		8.672.996.963	3.683.498.181
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(1.201.004.292)	(416.862.906)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	26.583.323	37.583.327
- Nguyên giá	228		55.000.000	55.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(28.416.677)	(17.416.673)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	868.107.301	568.587.499
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		868.107.301	568.587.499
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	25.600.000.000	25.600.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		25.600.000.000	25.600.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.387.383.383	551.102.141
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	2.387.383.383	551.102.141
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		345.181.562.855	341.016.310.765

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2015	01/01/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		269.953.174.728	266.011.282.865
I. Nợ ngắn hạn	310		266.678.370.308	264.262.247.670
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	25.398.662.118	42.913.253.129
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		42.433.459.400	33.159.056.430
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	6.207.738.221	5.656.504.671
4. Phải trả người lao động	314		2.719.878.031	2.738.704.278
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	1.219.418.619	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.16	52.389.944.255	53.722.271.802
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	6.037.495.995	2.273.464.108
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	129.083.054.206	122.260.551.921
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.188.718.863	1.538.441.331
II. Nợ dài hạn	330		3.274.804.420	1.749.035.195
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	3.274.804.420	1.749.035.195
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		75.228.388.127	75.005.027.900
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	75.228.388.127	75.005.027.900
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.000.000.000	35.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.277.672.000	4.277.672.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		32.638.127.003	32.496.130.745
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.035.437.900	2.017.688.368
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		1.277.151.224	1.213.536.787
- Lợi nhuận chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.036.041.465	858.546.140
- Lợi nhuận chưa PP kỳ này	421b		241.109.759	354.990.647
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		345.181.562.855	341.016.310.765

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 02 năm 2016

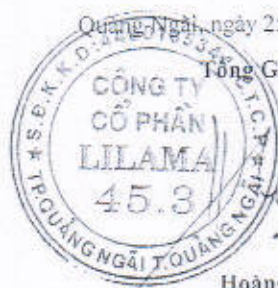
Người lập biểu

Phạm Thị Bích Hà

Kế toán trưởng

Phạm Văn Thìn

Tổng Giám đốc



Hoàng Việt

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	166.186.365.684	223.481.069.887
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		166.186.365.684	223.481.069.887
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	138.049.138.002	196.689.119.365
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.137.227.682	26.791.950.522
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	38.409.658	42.064.997
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	15.205.275.398	16.516.657.549
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.195.711.408	16.500.368.697
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	12.743.460.610	9.078.939.236
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		226.901.332	1.238.418.734
11. Thu nhập khác	31		313.727.273	
12. Chi phí khác	32		231.513.528	677.870.467
13. Lợi nhuận khác	40		82.213.745	(677.870.467)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		309.115.077	560.548.267
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	68.005.318	205.557.620
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		241.109.759	354.990.647
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	65	96
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	65	96

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 02 năm 2016.

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Hà

Kế toán trưởng

Phạm Văn Thìn



Tổng Giám đốc

Hoàng Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp trực tiếp
Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	202.677.065.057	249.951.805.996
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(123.431.541.393)	(140.492.200.997)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(62.986.032.965)	(49.424.090.722)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(15.195.585.781)	(16.737.670.253)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(120.068.437)	(131.851.323)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.668.222.750	1.958.191.599
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(17.538.025.184)	(28.970.725.251)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(14.925.965.953)	16.153.459.049
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(944.890.710)	(926.841.088)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	345.100.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.862.639	32.238.147
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(564.928.071)	(894.602.941)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	180.511.509.021	191.531.474.049
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(174.780.523.975)	(186.828.230.947)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(2.962.849.163)	(726.730.556)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(1.735.734.825)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.768.135.883	2.240.777.721
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(12.722.758.141)	17.499.633.829
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	19.922.849.741	2.423.215.912
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	90.019	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	7.200.181.619	19.922.849.741

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Hà

Kế toán trưởng

Phạm Văn Thìn



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần LILAMA 45.3 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.3. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 340300084 ngày 15/05/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 06/08/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp với số đăng ký kinh doanh mới là 4400135344.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô 4K, đường Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

2. Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là chế tạo và lắp đặt thiết bị kết cấu thép.

3. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày lập BCTC.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Trong quá trình sử dụng các chi phí nâng cấp, cải tạo, sửa chữa duy tu sẽ được ghi tăng nguyên giá, hoặc ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh tùy thuộc vào hiệu quả mà các chi phí này mang lại cho TSCĐ đó theo đúng hướng dẫn về chế độ quản lý và sử dụng TSCĐ hiện hành.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý, tài sản cố định khác	04 - 06 năm

Công ty tuân thủ nguyên tắc kế toán khi thực hiện kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/12/2014.

b) Nguyên tắc kế toán TSCĐ thuê tài chính:

Hợp đồng thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Tài sản cố định thuê tài chính được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản và giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thương hiệu Lilama, chi phí bảo hiểm.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương

mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo đúng quy định hiện hành.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính.

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ

Khi lập báo cáo tài chính số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0 %.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần.

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Thặng dư vốn cổ phần là chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

b) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty...

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

		Đơn vị tính: đồng		
		<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>	
1 . Tiền				
Tiền mặt tại quỹ		4.447.180	7.689.838	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		7.195.734.439	19.915.159.903	
Tiền đang chuyển		-	-	
Cộng		<u>7.200.181.619</u>	<u>19.922.849.741</u>	
		<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>	
2 . Phải thu khách hàng ngắn hạn				
a) Phải thu khách hàng		134.208.203.246	144.805.863.081	
- Công ty CP Cao su Đà Nẵng		12.375.553.694	20.307.273.154	
- Công ty CP Gang thép Thái Nguyên		34.565.396.292	34.597.895.013	
- Phải thu khách hàng khác		87.267.253.260	89.900.694.914	
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		19.619.123.359	15.283.894.880	
- Tổng công ty Lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV		13.345.966.527	8.810.738.048	
- Công ty CP Lilama 10		341.682.570	341.682.570	
- Công ty CP Lilama 45.1		800.090.408	800.090.408	
- Công ty CP Lilama 69.3		431.602.803	631.602.803	
		<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>	
3 . Phải thu ngắn hạn khác				
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Phải thu khác	550.066.453	-	311.812.124	-
+ Thuế GTGT tài sản cố định thuê tài chính	452.652.453	-	214.398.124	-
+ Khác	97.414.000	-	97.414.000	-
- Tạm ứng	581.650.644	315.963.096	648.826.018	315.963.096
- Dự nợ phải trả khác	20.000.000	-	20.000.000	-
Cộng	<u>1.151.717.097</u>	<u>315.963.096</u>	<u>980.638.142</u>	<u>315.963.096</u>
		<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>	
4 . Nợ xấu	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán	18.989.344.563	8.357.226.406	18.989.344.563	12.412.035.444
+ Công ty CP điện Báo Tân (Thị công Nhà máy thủy điện Đâm Bô) ⁽¹⁾	10.157.226.406	8.357.226.406	10.157.226.406	10.157.226.406
+ Công ty CP Năng lượng Mai Linh (Thị công NM thủy điện La Lơ- Quảng Trị) ⁽²⁾	3.221.155.769	-	3.221.155.769	2.254.809.038
+ Công ty TNHH Xây lắp điện Hưng Phúc (Thị công NM thủy điện Đrây H'Linh 3) ⁽²⁾	5.294.999.292	-	5.294.999.292	-
+ Các khoản tạm ứng	315.963.096	-	315.963.096	-
- Các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm...phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.	4.838.442.223	-	4.838.442.223	-
+ Công ty CP điện Báo Tân	4.530.239.203	-	4.530.239.203	-
+ Công ty CP Năng lượng Mai Linh	308.203.020	-	308.203.020	-

⁽¹⁾ Khoản phải thu của Công ty cổ phần điện Bảo Tân phát sinh theo hợp đồng thi công lắp đặt và cung cấp thiết bị cho nhà máy thủy điện Đambol đã ký kết thực hiện từ tháng 12/2010, thời hạn thanh toán được gia hạn đến tháng 02/2014. Tháng 12/2014 Công ty Bảo Tân đã thanh toán cho Công ty số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 24/12/2014 Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt đã có quyết định số 18/QĐ-CCTHA về việc thu tiền từ hoạt động kinh doanh của người thi hành án. Thời gian thực hiện từ tháng 01/2015 đến khi Công ty cổ phần điện Bảo Tân thi hành án xong. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng với số tiền 1.800.000.000 đồng.

⁽²⁾ Khoản phải thu của Công ty cổ phần Năng lượng Mai Linh phát sinh theo các hợp đồng xây dựng, chế tạo và lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công đường ống áp lực... ký từ ngày 25/03/2010, thời hạn thanh toán được gia hạn đến tháng 6/2014. Theo Bản án số 03/2014/KDTM-ST ngày 15/09/2014 của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa tỉnh Quảng Trị thì Công ty Mai Linh phải trả nợ cho Công ty nhưng đến thời điểm lập báo cáo tài chính Công ty Mai Linh chưa thanh toán khoản công nợ trên cho Công ty. Công ty đã trích lập dự phòng 100% với số tiền 3.221.155.769 đồng.

⁽³⁾ Khoản phải thu của Công ty TNHH Xây lắp điện Hưng Phúc đã được Công ty đệ đơn ra tòa án. Hiện tại, Tòa án đang tiến hành thu lý vụ việc theo quy định của pháp luật. Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 100% đối với khoản phải thu khó đòi này.

5 . Hàng tồn kho	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	285.474.068	-	388.077.482	-
Công cụ, dụng cụ	408.343.759	-	438.717.641	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	155.128.253.528	-	129.005.245.448	-
Cộng	155.822.071.355	-	129.832.040.571	-

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2015: 0 đồng;
 Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2015: 0 đồng.

6 . Phải thu dài hạn khác	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	989.450.000	-	430.500.000	-
Cộng	989.450.000	-	430.500.000	-

7 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Xem chi tiết tại phụ lục 01 của Báo cáo này

8 . Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Đơn vị tính: đồng		Cộng
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	
Nguyên giá	-	3.683.498.181	3.683.498.181
Số dư đầu năm	4.989.498.782	-	4.989.498.782
Số tăng trong kỳ	4.989.498.782	-	4.989.498.782
- Thuế tài chính trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	4.989.498.782	3.683.498.181	8.672.996.963
Số dư cuối kỳ	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	416.862.906	416.862.906
Số dư đầu năm	415.791.570	368.349.816	784.141.386
Số tăng trong kỳ	415.791.570	368.349.816	784.141.386
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	415.791.570	785.212.722	1.201.004.292
Số cuối kỳ	-	-	-
Giá trị còn lại	-	3.266.635.275	3.266.635.275
Tại ngày đầu năm	4.573.707.212	2.898.285.459	7.471.992.671
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Đơn vị tính: đồng	
	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá	55.000.000	55.000.000
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ	55.000.000	55.000.000
Số dư cuối kỳ	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	17.416.673	17.416.673
Số dư đầu năm	11.000.004	11.000.004
Số tăng trong kỳ	11.000.004	11.000.004
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	-	-
Số giảm trong kỳ	28.416.677	28.416.677
Số cuối kỳ	-	-
Giá trị còn lại	37.583.327	37.583.327
Tại ngày đầu năm	26.583.323	26.583.323
Tại ngày cuối kỳ	-	-

10. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
a/ Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
b/ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	868.107.301	568.587.499
- Dự án kho bãi dịch vụ kỹ thuật Dung Quất- Giai đoạn 1	42.746.411	89.486.411
- Dự án kho bãi dịch vụ kỹ thuật Dung Quất- Giai đoạn 2	825.360.890	479.101.088
	<u>868.107.301</u>	<u>568.587.499</u>

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào Công ty con	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	25.600.000.000	-	25.600.000.000	25.600.000.000	-	25.600.000.000
+ Công ty cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn ^(*)	25.600.000.000	-	25.600.000.000	25.600.000.000	-	25.600.000.000
Cộng	25.600.000.000	-	25.600.000.000	25.600.000.000	-	25.600.000.000

(*) Góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn đầu tư dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 5 công suất 28MW trên sông Côn, xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạch, tỉnh Bình Định. Tổng số vốn góp tại ngày 31/12/2015 là 25.600.000.000 đồng tương đương với 2.611.200 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn. Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thống nhất thông qua kế hoạch, lộ trình thoái vốn tại Công ty cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn theo Nghị quyết 21/2015/NĐ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 17/04/2015. Thời gian dự kiến thoái vốn đến hết năm 2015. Tuy nhiên trong năm 2015 Công ty chưa thoái được vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn. Theo Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐQT ngày 21/11/2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn về việc thông qua phương án trả cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu vào ngày 30/11/2015 với tỷ lệ 2% và Công ty Cổ phần Lilama 45.3 đã được chỉ trả cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng là 51.200 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu)

Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ

Không có

	31/12/2015	01/01/2015
12 . Chi phí trả trước dài hạn		
- Thương hiệu Lilama	20.750.000	62.250.000
- Chi phí bảo hiểm tài sản cố định thuê tài chính	196.301.382	178.049.095
- Chi phí thuê đất tại Dung Quất	2.170.332.001	310.803.046
Cộng	2.387.383.383	551.102.141

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
13 . Phải trả người bán ngắn hạn				
a) Phải trả người bán ngắn hạn	5.398.662.718	25.398.662.718	42.913.253.129	42.913.253.129
- Công ty TNHH TM&DVKT điện CN Tuấn Huy	5.519.726.502	5.519.726.502	19.160.398.078	19.160.398.078
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	19.878.936.216	19.878.936.216	23.752.855.051	23.752.855.051
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	4.520.881.493	4.520.881.493	6.248.491.816	6.248.491.816
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV	351.725.000	351.725.000	-	-
- Công ty cổ phần Lilama 7	4.169.156.493	4.169.156.493	6.248.491.816	6.248.491.816

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	(01/01/2015)			(31/12/2015)
14 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	4.884.426.366	7.894.236.703	7.862.733.087	4.915.929.982
Thuế thu nhập doanh nghiệp	120.068.439	68.005.318	120.068.437	68.005.320
Thuế thu nhập cá nhân	53.275.507	612.028.159	30.000.000	635.305.666
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	10.235.106	428.699.481	438.934.587	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	588.499.253	-	-	588.499.253
Cộng	5.656.504.671	9.006.969.661	8.455.736.111	6.207.738.221

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	31/12/2015	01/01/2015
15 . Chi phí phải trả ngắn hạn		
Chi phí trích trước của các công trình	1.219.418.619	-
+ Trích trước chi phí mua công cụ dụng cụ	19.250.000	-
+ Công trình lắp đặt thiết bị nhà máy thủy điện Hòa Phú	1.200.168.619	-
Cộng	1.219.418.619	-

	31/12/2015	01/01/2015
16 . Phải trả nội bộ ngắn hạn		
- Phải trả Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV về tiền vay	27.264.420.595	29.600.000.000
- Phải trả các đội công trình	25.125.523.660	24.122.271.802
Cộng	52.389.944.255	53.722.271.802

17 . Phải trả ngắn hạn khác

- Kinh phí công đoàn
- Bảo hiểm xã hội
- Bảo hiểm y tế
- Bảo hiểm thất nghiệp
- Các khoản phải trả, phải nộp khác
 - + Cổ tức phải trả
 - + Phải trả phải nộp khác

Cộng

18 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn
 Xem chi tiết tại phụ lục 02 của Báo cáo này

19 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn
 Xem chi tiết tại phụ lục 03 của Báo cáo này

20 . Vốn chủ sở hữu

20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu
 Xem phụ lục số 04 của Báo cáo này

20.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV
 Các cổ đông khác

Cộng

**20.3. Các giao dịch về vốn với các CSH
 và phân phối cổ tức, lợi nhuận.**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu
- + Vốn góp đầu năm
- + Vốn góp cuối năm
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

20.4. Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành

Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng

- Cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phiếu được mua lại

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

- Cổ phiếu phổ thông

- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành

20.5. Các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

21 . Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

- Ngoại tệ các loại
- + USD

	31/12/2015	01/01/2015
	224.931.673	462.972.256
	1.797.713.152	626.373.926
	107.149.945	103.461.570
	41.387.316	37.761.400
	3.866.313.909	1.042.894.956
	147.218.995	147.218.995
	3.719.094.914	895.675.961
	6.037.495.995	2.273.464.108

	31/12/2015	01/01/2015
	14.290.000.000	17.850.000.000
	20.710.000.000	17.150.000.000
	35.000.000.000	35.000.000.000

	31/12/2015	01/01/2015
	35.000.000.000	35.000.000.000
	35.000.000.000	35.000.000.000
	-	-

	31/12/2015	01/01/2015
	3.500.000	3.500.000
	3.500.000	3.500.000
	3.500.000	3.500.000
	-	-
	3.500.000	3.500.000
	3.500.000	3.500.000
	-	-
	10.000	10.000

	31/12/2015	01/01/2015
	32.638.127.003	32.496.130.745
	-	-
	2.035.437.900	2.017.688.368

	31/12/2015	01/01/2015
	128,92	130,38

H I N H D O N G I N H

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

		Đơn vị tính: Đồng	
		Năm nay	Năm trước
1	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a)	Doanh thu		229.744.688
-	Doanh thu bán hàng	166.186.365.684	223.251.325.199
-	Doanh thu hoạt động xây lắp		223.481.069.887
	Cộng	166.186.365.684	223.481.069.887
b)	Doanh thu đối với các bên liên quan trong kỳ		Năm nay
-	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV		64.257.473.289
+	Công trình Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn		61.925.390.419
+	Công trình Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1		2.332.082.870
-	Công ty Cổ phần Lilama 7		253.941.202
-	Công ty Cổ phần Lilama 18		640.040.484
			640.040.484
2	Giá vốn hàng bán		Năm trước
-	Giá vốn của hàng hóa đã bán		174.154.708
-	Giá vốn của hợp đồng xây dựng	138.049.138.002	196.514.964.657
	Cộng	138.049.138.002	196.689.119.365
3	Doanh thu hoạt động tài chính		Năm trước
-	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	34.862.639	32.238.147
-	Lãi chênh lệch tỷ giá	3.547.019	9.826.850
	Cộng	38.409.658	42.064.997
4	Chi phí tài chính		Năm trước
-	Lãi tiền vay	15.195.711.408	16.500.368.697
-	Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.563.990	16.288.852
	Cộng	15.205.275.398	16.516.657.549
5	Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		Năm trước
a)	Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	12.743.460.610	9.078.939.236
a1)	Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	12.743.460.610	9.078.939.236
-	Tiền lương bộ phận quản lý	5.983.717.872	5.848.990.584
-	Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	4.054.809.038	966.346.731
-	Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.704.933.700	2.263.601.921
a2)	Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
b)	Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	-	-

	Năm nay	Năm trước
6 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
a. Lợi nhuận trước thuế	309.115.077	560.548.267
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	-	325.599.398
b.1. Tiền phạt thuế	-	325.599.398
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(b)	309.115.077	886.147.665
d. Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
e. Thuế TNDN phải nộp	68.005.318	194.952.488
f. Thuế TNDN phải nộp bổ sung cho năm 2012	-	10.605.132
g. Thuế TNDN phải nộp trong năm (e+f)	68.005.318	205.557.620
7 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.283.608.088	63.130.952.320
Chi phí nhân công	76.198.724.632	56.124.297.750
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.697.711.428	4.287.728.334
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	24.465.170.495	60.580.557.493
Chi phí khác bằng tiền	11.270.392.049	6.959.469.263
Cộng	176.915.606.692	191.083.005.160
8 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
a/ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	241.109.759	354.990.647
b/ Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) LN kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
c/ Lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (=a+b)	241.109.759	354.990.647
d/ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (thực tế/tạm tính) trong kỳ (*)	12.055.488	17.749.532
e/ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.500.000	3.500.000
f/ Lãi cơ bản trên cổ phiếu [(c-d)/e]	65	96
g/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu [(c-d)/e]	65	96

(*) (thực tế/tạm tính) theo công thức:

- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2014 được xác định theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 17/4/2015 về việc phân phối lợi nhuận năm 2014.

- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi tạm tính cho năm 2015 được xác định bằng tỷ lệ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi của năm 2014 chia cho lợi nhuận sau thuế năm 2014 nhân với lợi nhuận sau thuế năm 2015.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai		Năm nay	Năm trước
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính		5.580.135.627	-
2. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		Năm nay	Năm trước
- Vay ngắn hạn		180.511.509.021	191.531.474.049
- Thuê tài chính		5.580.135.627	-
Cộng		186.091.644.648	191.531.474.049
3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		Năm nay	Năm trước
- Vay ngắn hạn		174.780.523.975	186.828.230.947
- Thuê tài chính		2.962.849.163	726.730.556
Cộng		177.743.373.138	187.554.961.503

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện lớn phát sinh trong kỳ kế toán ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV là công ty mẹ của Công ty cổ phần LILAMA 45.3 đã thực hiện chuyển nhượng 356.000 cổ phần, tương đương với 3.560.000.000 đồng vốn góp cho các cổ đông khác. Sau khi chuyển nhượng, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV còn nắm giữ 40,83% tổng số vốn góp, do đó không còn là công ty mẹ của Công ty cổ phần LILAMA 45.3 mà chỉ là một cổ đông lớn của Công ty.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

3. Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (đồng)
1	Chi phí Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV	Cổ đông lớn	Chi phí mua nguyên liệu vật liệu, công cụ dụng cụ, thuê cầu	1.264.555.089

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả)
1	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV	Cổ đông lớn	Người mua trả tiền trước	(7.675.609.024)
2	Công ty Cổ phần Lilama 18	Đơn vị trong cùng Tổng công ty	Người mua trả tiền trước	(1.634.754.115)
3	Công ty Cổ phần Lilama 45.1	Đơn vị trong cùng Tổng công ty	Người mua trả tiền trước	(3.924.101.011)

Tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký hội đồng quản trị trong năm 2015

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương	Thù lao
1	Bùi Quốc Vương	Chủ tịch HĐQT	178.987.874	20.700.000
2	Hoàng Việt	Thành viên HĐQT	273.057.458	37.950.000
3	Huỳnh Lê Hòa	Thành viên HĐQT	204.533.041	27.600.000
4	Phạm Văn Thìn	Thành viên HĐQT	203.929.104	27.600.000
5	Vũ Quang Thế	Thành viên HĐQT	138.166.874	27.600.000
6	Phạm Thị Bích Hà	Thư ký HĐQT	124.102.083	13.800.000
7	Nguyễn Mạnh Hương	Trưởng ban KS	2.000.000	24.840.000
8	Phạm Xuân Đồng	Thành Viên BKS	167.557.187	20.700.000
9	Trần Ngọc Dũng	Thành Viên BKS	124.655.627	20.700.000
Tổng cộng			1.416.989.248	221.490.000

4 . Báo cáo bộ phận

Hiện tại, các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xây lắp được hoạt động trên các khu vực địa lý không có sự khác biệt lớn về điều kiện kinh tế. Do đó, không có báo cáo bộ phận được trình bày.

5 . Thông tin so sánh

Như trình bày tại mục 01, thuyết minh III.01, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này và nhằm chỉnh sửa một số sai sót trong việc trình bày Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015. Cụ thể như sau:

Khoản mục	Mã số	Số báo cáo năm trước	Số phân loại	Mã số	Đơn vị tính: đồng
					Số sau phân loại lại
- Phải thu ngắn hạn khác	138	331.812.124	648.826.018	136	980.638.142
- Tài sản ngắn hạn khác	158	648.826.018	(648.826.018)	155	-
- Phải thu dài hạn khác	218	-	430.500.000	216	430.500.000
- Tài sản dài hạn khác	268	430.500.000	(430.500.000)	268	-
- Quỹ đầu tư phát triển	417	30.437.442.377	2.058.688.368	418	32.496.130.745
- Quỹ dự phòng tài chính	418	2.058.688.368	(2.058.688.368)		-
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	101	(5)	70	96

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Hà

Kế toán trưởng

Phạm Văn Thìn



CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3

Đ/c: Lô 4K - Đường Tôn Đức Thắng - TP Quảng Ngãi
Tỉnh Quảng Ngãi

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Phụ lục số 01: Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: đồng	
						Cộng	
Nguyên giá TSCĐ							
Số dư đầu năm	18.650.357.640	39.405.755.980	6.851.323.269	1.767.162.094	401.000.000		67.075.598.983
Số tăng trong kỳ	-	970.537.271	-	-	54.000.000		1.024.537.271
- Mua trong kỳ	-	970.537.271	-	-	54.000.000		1.024.537.271
Số giảm trong kỳ	-	360.092.444	-	30.000.000	-		390.092.444
- Thanh lý, nhượng bán	-	360.092.444	-	30.000.000	-		390.092.444
Số dư cuối kỳ	18.650.357.640	40.016.200.807	6.851.323.269	1.737.162.094	455.000.000		67.710.043.810
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	6.437.500.075	32.228.991.826	5.540.816.311	1.683.850.467	11.399.997		45.902.558.676
Số tăng trong kỳ	838.847.116	2.385.089.006	540.216.108	35.517.836	82.899.972		3.902.570.038
- Khấu hao trong kỳ	838.847.116	2.385.089.006	540.216.108	35.517.836	82.899.972		3.902.570.038
Số giảm trong kỳ	-	184.047.242	-	30.000.000	-		214.047.242
- Thanh lý, nhượng bán	-	184.047.242	-	30.000.000	-		214.047.242
Số dư cuối kỳ	7.296.347.191	34.430.033.590	6.081.032.419	1.689.368.303	94.299.969		49.591.081.472
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	12.212.857.565	7.176.764.154	1.310.506.958	83.311.627	389.600.003		21.173.040.307
Tại ngày cuối kỳ	11.354.010.449	5.586.167.217	770.290.850	47.793.791	360.700.031		18.118.962.338

Trong đó:

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại 31/12/2015 đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay: 5.177.341.442 đồng

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2015 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng 22.381.816.305 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMIA 45.3

Đ/c: Lô 4K - Đường Tôn Đức Thắng - TP Quảng Ngãi
Tỉnh Quảng Ngãi

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Phụ lục số 02: Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Cuối kỳ (31/12/2015)		Trong kỳ		Đầu kỳ (01/01/2015)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	127.183.857.836	127.183.857.836	180.511.509.021	174.780.523.975	121.452.872.790	121.452.872.790
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Quảng Ngãi	73.192.176.635	73.192.176.635	116.332.451.761	115.061.801.192	71.921.526.066	71.921.526.066
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn- Chi nhánh Đà Nẵng	53.991.681.201	53.991.681.201	64.179.057.260	59.718.722.783	49.531.346.724	49.531.346.724
b) Các khoản nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.899.196.370	1.899.196.370	2.656.991.402	1.565.474.163	807.679.131	807.679.131
- Công ty TNHH CTTC Quốc tế Việt Nam (*)	1.899.196.370	1.899.196.370	2.656.991.402	1.565.474.163	807.679.131	807.679.131
Cộng	129.083.054.206	129.083.054.206	183.168.500.423	176.345.998.138	122.260.551.921	122.260.551.921

Thông tin chi tiết liên quan tới các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn:

Ngân hàng	Số hợp đồng vay	Ngày hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Dư nợ gốc vay tại 31/12/2015	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Quảng Ngãi	01/2015/HDTD	7/1/2015	80.000.000.000	12 tháng	Theo thông báo của ngân hàng	73.192.176.635	Vay bổ sung vốn lưu động	Vay tín chấp
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn- Chi nhánh Đà Nẵng	1202/2015/HDTD	2/12/2015	80.000.000.000	12 tháng	Theo thông báo của ngân hàng	53.991.681.201	Vay bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo
Cộng						127.183.857.836		

(*) Xem chi tiết tại Phụ lục 03 của Báo cáo này

c) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	Cuối kỳ (31/12/2015)		Đầu kỳ (01/01/2015)	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
- Vay	-	-	-	-
- Nợ thuê tài chính	-	-	-	-

Phụ lục số 03: Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	Cuối kỳ (31/12/2015)		Trong kỳ		Đầu kỳ (01/01/2015)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay dài hạn						
b) Các khoản nợ thuế tài chính dài hạn						
- Công ty TNHH CTTC Quốc tế Việt Nam (*)	3.274.804.420	3.274.804.420	5.580.135.627	4.054.366.402	1.749.035.195	1.749.035.195
	3.274.804.420	3.274.804.420	5.580.135.627	4.054.366.402	1.749.035.195	1.749.035.195
Cộng	3.274.804.420	3.274.804.420	5.580.135.627	4.054.366.402	1.749.035.195	1.749.035.195

(*) Bao gồm:

Số hợp đồng thuế TC	Ngày hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Dự nợ gốc vay dài hạn tại 31/12/2015	Nợ dài hạn đến hạn trả	Tài sản đảm bảo
2013-00141-001	1/14/2013	48 tháng	10,77%/năm	434.835.405	496.553.509	Xe ô tô đầu kéo và Romooc
2013-00117-001	9/17/2013	48 tháng	11%/năm	413.116.228	404.530.953	Xe tải gắn cầu Dongfeng
2015-00021-001	2/9/2015	48 tháng	9,13%/năm	2.426.852.787	998.112.808	Cần trục bánh lốp SANY 50 tấn.
Cộng				3.274.804.420	1.899.196.370	

b) Các khoản nợ thuế tài chính

Thời hạn	Cuối kỳ (31/12/2015)		Đầu kỳ (01/01/2015)		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	2.324.248.013	1.899.196.370	1.049.916.000	242.236.869	807.679.131
Trên 1 năm đến 5 năm	3.561.539.939	3.274.804.420	1.942.137.280	193.102.085	1.749.035.195
Trên 5 năm					

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3

Đ/c: Lô 4K - Đường Tôn Đức Thắng - TP Quảng Ngãi
Tỉnh Quảng Ngãi

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Phụ lục số 04: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	LNST chưa phân phối và quỹ khác	Đơn vị tính: đồng
						Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	35.000.000.000	4.277.672.000	-	-	35.416.713.341	74.694.385.341
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	354.990.647	354.990.647
Trích các quỹ	-	-	-	-	399.132.793	399.132.793
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	443.480.881	443.480.881
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	35.000.000.000	4.277.672.000	-	-	35.727.355.900	75.005.027.900
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	241.109.759	241.109.759
Trích các quỹ	-	-	-	-	159.745.790	159.745.790
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	177.495.322	177.495.322
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	35.000.000.000	4.277.672.000	-	-	35.950.716.127	75.228.388.127

(*) Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 17/4/2015, cụ thể như sau:

Chi tiêu	Số tiền
- Trích quỹ đầu tư phát triển	141.996.258
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	17.749.532
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	17.749.532
Cộng	177.495.322

